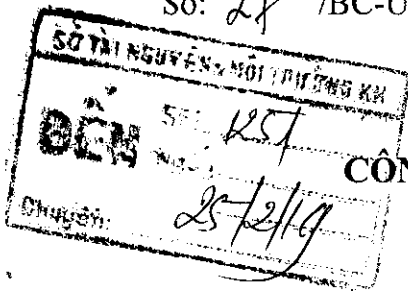


ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA

Số: 27 /BC-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày 20 tháng 02 năm 2019



BÁO CÁO
CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2018
TỈNH KHÁNH HÒA

Địa chỉ liên hệ: 01 Trần Phú, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Số điện thoại: 0258.3822661

Fax: 0258.3821903

Website: www.khanhoa.gov.vn

I. Giới thiệu chung:

1. Điều kiện tự nhiên:

1.1. Vị trí địa lý

Khánh Hoà là tỉnh ven biển có điểm cực Đông trên đất liền vươn ra biển xa nhất của đất nước, thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, có phạm vi lãnh thổ từ 11⁰41'53" đến 12⁰52'35" vĩ độ Bắc và từ 108⁰40' đến 109⁰23'24" kinh độ Đông. Khánh Hoà giáp với tỉnh Phú Yên ở phía Bắc, Ninh Thuận ở phía Nam, Đắk Lắk và Lâm Đồng ở phía Tây. Phía Đông của Khánh Hoà là biển Đông với đường bờ biển dài 385 km. Diện tích tự nhiên toàn tỉnh là 5.217,7 km², chiếm 1,58% về diện tích của cả nước; đứng hàng thứ 27 trong 63 tỉnh, thành phố của nước ta; với dân số 1.269.388 người (năm 2018).

Khánh Hoà có thêm lục địa và vùng lãnh hải rộng lớn với trên 200 đảo lớn nhỏ nằm rải rác trên biển, trong đó có quần đảo Trường Sa với vị trí rất quan trọng về an ninh, quốc phòng và kinh tế của cả nước. Là tỉnh duy nhất có 03 vịnh biển đẹp (Nha Trang, Vân Phong và vịnh Cam Ranh), là điều kiện lý tưởng để phát triển du lịch và kinh tế biển của tỉnh (cảng biển và khai thác, nuôi trồng thủy hải sản...).

Nằm trên các trục giao thông quan trọng như QL1A và đường sắt Thống nhất chạy qua đã nối liền Khánh Hoà với các tỉnh, thành trong cả nước. Quốc lộ 26 nối Khánh Hoà với Đắk Lắk, QL27B đi Ninh Thuận và tuyến tỉnh lộ 2 nối Nha Trang với Đà Lạt; đồng thời tỉnh còn có các cảng biển Nha Trang, Cam Ranh, Hòn Khói và sân bay Cam Ranh đã nâng cấp thành sân bay quốc tế, có thể đón các máy bay Boeing và Airbus tải trọng lớn cất và hạ cánh,... đã tạo cho Khánh Hoà nhiều lợi thế để phát triển kinh tế - xã hội.

Vị trí địa lý như trên đã tạo điều kiện thuận lợi cho Khánh Hoà phát triển sản xuất hàng hoá và mở rộng giao lưu kinh tế - xã hội với trong nước và quốc tế.

1.2. Địa hình, địa mạo

Địa hình tỉnh Khánh Hoà khá phức tạp, phía Tây là sườn Đông của dãy Trường

Sơn Nam và phía Đông là biển Đông. Địa hình thấp dần từ Tây sang Đông với đa dạng địa hình như núi, đồi, đồng bằng, vùng ven biển. Hơn 67% diện tích của tỉnh là đồi núi, trong đó có đến 25 đỉnh núi cao trên 1.000 m tạo thành các vòng cung chắn gió từ phía Bắc đến phía Tây bao quanh các vùng đồng bằng nhỏ, hẹp ven biển tại các huyện Vạn Ninh, Ninh Hoà, Diên Khánh, Cam Ranh. Do địa hình dốc, bị chia cắt nhiều nên gây nhiều khó khăn cho việc hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung với quy mô lớn.

Nhìn chung địa hình Khánh Hoà khá thuận lợi cho việc phát triển kinh tế tổng hợp Nông - Lâm - Ngư nghiệp - Du lịch song cũng gây không ít khó khăn trong việc khai thác sử dụng đất vào sản xuất nông - lâm nghiệp. Địa hình cũng là yếu tố quan trọng phân chia toàn tỉnh thành các vùng sinh thái mang những nét đặc trưng khác biệt có tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất, mặt nước cho phát triển kinh tế - xã hội của từng vùng.

1.3. Đặc trưng khí hậu tỉnh Khánh Hoà

Khí hậu tỉnh Khánh Hoà mang đặc trưng của khí hậu nhiệt đới gió mùa đại dương. Nhiệt độ trung bình năm tại tỉnh Khánh Hoà dao động từ 25,3 - 27,1^oC và có sự phân hóa mạnh theo địa hình. Vùng Đồng bằng ven biển nhiệt độ cao hơn với dao động nhiệt trong khoảng 26,7 - 27,1^oC, càng đi sâu về vùng núi phía Tây nhiệt độ càng giảm. Ngoài ra nhiệt độ cũng biến động mạnh theo từng tháng, nhiệt độ trung bình tăng dần từ tháng 1 và đạt cực đại vào tháng 6 sau đó giảm chậm vào tháng 7, 8. Tháng 9 nhiệt độ bắt đầu giảm nhanh và đạt cực tiểu vào tháng 1.

Phân bố lượng mưa trung bình nhiều năm của tỉnh Khánh Hoà có sự phân hóa mạnh theo không gian, do có sự ảnh hưởng của địa hình. Chênh lệch lượng mưa giữa vùng mưa nhiều nhất và vùng mưa ít nhất trong tỉnh là từ 300 - 500mm. Vùng nhiều mưa nhất tập trung chính ở khu vực phía Tây và Tây nam của tỉnh với lượng mưa năm phổ biến từ 1.700 - 1.800mm. Vùng ít mưa nhất là vùng đồng bằng ven biển phía nam ở mức xấp xỉ 1.200 - 1.300mm. Khu vực phía Bắc, Đông bắc và trung tâm thành phố Nha Trang lượng mưa năm phổ biến từ 1.300 - 1.600mm. Nhìn chung lượng mưa năm của Khánh Hoà tăng theo độ cao của địa hình từ Đông sang Tây, từ Nam ra Bắc ở khu vực các huyện đồng bằng và ven biển, còn ở khu vực vùng núi thì ngược lại lượng mưa tăng dần từ Bắc vào Nam.

Căn cứ vào trị số nhiệt độ trung bình năm, lượng mưa trung bình năm và các hiện tượng thời tiết cực đoan khác, khí hậu tỉnh Khánh Hoà được chia ra thành 03 vùng khí hậu đặc trưng bao gồm:

- *Vùng I:* Vùng khí hậu ven biển, bao gồm các đảo, bán đảo mà đại diện tiêu biểu về các đặc trưng khí hậu của vùng này là quần đảo Trường Sa.

- *Vùng II:* Khí hậu vùng đồng bằng và ven biển xen kẽ đồi, núi thấp, là vùng địa hình cao dưới 200 m, tương đối bằng phẳng, xen kẽ gò đồi và núi. Dọc theo phương vĩ tuyến, do vị trí địa lý và địa hình, các đặc trưng khí hậu thủy văn có khác

biệt tương đối nên vùng này được chia ra thành 3 tiểu vùng khí hậu chính: (i) Tiểu vùng khí hậu Vạn Ninh - Ninh Hoà, (ii) Tiểu vùng khí hậu Diên Khánh - Nha Trang, (iii) Tiểu vùng khí hậu Cam Ranh.

- *Vùng III*: Khí hậu vùng núi, là vùng địa hình cao trên 200 m, độ dốc lớn, lớp phủ thực vật chủ yếu là rừng và đồi trọc. Do điều kiện phía Bắc và phía Nam có sự khác biệt, vùng này cũng được chia thành 02 tiểu vùng khí hậu chính: (i) *Tiểu vùng vòng cung núi phía Bắc*, là giới hạn phía Bắc của Tỉnh, phân định bởi đường đỉnh của dãy núi Vọng Phu - Đèo Cả, là nơi phát sinh gió Tu Bông; (ii) *Tiểu vùng vòng cung núi phía Tây Nam*, có thể xem như là ranh giới giữa vùng có mùa mưa chính vào thời kỳ gió mùa mùa hè và mùa mưa chính vào thời kỳ đầu gió mùa mùa đông.

1.4. Thủy văn

Toàn tỉnh Khánh Hòa có khoảng 40 con sông dài từ 10 km trở lên, tạo thành một mạng lưới sông phân bố khá dày, mật độ 0,6 - 1 km/km². Khánh Hòa có 3 hệ thống sông lớn là sông Cái Nha Trang, sông Cái Ninh Hoà, sông Tô Hạp và hàng chục sông suối nhỏ độc lập. Nhìn chung mạng lưới sông ngòi tương đối dày đặc nhưng phân bố không đều, vùng núi cao có mật độ mạng lưới sông dày khoảng 1 km/km², vùng thấp và đồng bằng ven biển có mật độ lưới sông mỏng hơn khoảng 0,6 km/km². Do đặc điểm địa hình nên sông, suối ở đây thường ngắn, lòng sông hẹp và dốc với độ dốc trung bình khoảng 5‰ và thường cạn kiệt vào mùa khô.

2. Kinh tế - xã hội:

Thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh và với sự quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở, sự đồng thuận của nhân dân, kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hòa năm 2018 tiếp tục phát triển, một số kết quả đạt được, cụ thể như sau:

- Tăng trưởng kinh tế: tốc độ tăng trưởng kinh tế GRDP năm 2018 tăng 7,02% so với cùng kỳ, trong đó GRDP theo ngành kinh tế tăng 7,06% (Nghị quyết HĐND tỉnh là 6,5 – 7%). GRDP bình quân đầu người đạt 62 triệu đồng (Nghị quyết HĐND là 59,8 triệu đồng).

- Sản xuất công nghiệp: chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) năm 2018 tăng 7% so cùng kỳ (Nghị quyết HĐND tỉnh là 6,5%).

- Dịch vụ, du lịch và xuất nhập khẩu: hoạt động thương mại ở địa phương phát triển sôi động và tiếp tục có tốc độ tăng trưởng cao. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ toàn tỉnh đạt 95.000 tỷ đồng, tăng 12,85% so với cùng kỳ. Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa năm 2018 được 1.300,38 triệu USD tăng 10,63% (Nghị quyết HĐND tỉnh là 1.300 triệu USD); các mặt hàng chủ yếu xuất khẩu gồm: tàu biển, thủy hải sản, dệt may.... Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa năm 2018 được 770,4 triệu USD, tăng 10,78% so với cùng kỳ; các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là: thép, máy móc thiết bị và phục tùng, nguyên liệu thủy sản, nguyên liệu thuốc lá...

- Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản: so với cùng kỳ năm trước, tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm giảm 3,33% một phần do ảnh hưởng từ cơn bão số 12 năm 2017, cộng với thời tiết đầu vụ hè thu, vụ mùa chưa thuận lợi, các hồ chứa không đủ cung cấp đủ nước nên một số địa phương giảm diện tích gieo trồng, trong đó cây chất bột có củ giảm 9,31% chủ yếu giảm diện tích trồng sắn, khoai lang; cây công nghiệp hàng năm giảm 5,35% chủ yếu giảm diện tích trồng mía; cây thực phẩm giảm 3,38%; cây lương thực giảm 2,02%. Diện tích rừng trồng mới tập trung năm 2018 được 2.834,4 ha rừng trồng mới, tăng 64,15% so với năm 2017. Sản lượng khai thác thủy sản năm 2018 được 97,88 nghìn tấn, tăng 2,83% so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng nuôi trồng thủy sản được 10,47 nghìn tấn, giảm 16,77% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do ngư dân chưa tái đầu tư sau thiệt hại từ cơn bão số 12.

- Các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế được quan tâm chỉ đạo; an sinh xã hội và phúc lợi xã hội cơ bản được đảm bảo; đã giải quyết xong các vấn đề ô nhiễm môi trường nổi cộm; công tác cải cách hành chính, giải quyết khiếu nại, tố cáo, đấu tranh phòng chống tham nhũng được chú trọng; quốc phòng, an ninh được giữ vững.

- Trong năm 2018, Khánh Hòa tiếp tục bị ảnh hưởng của hoàn lưu cơn bão số 8 (từ ngày 17/11 – 18/11/2018) và cơn bão số 9 (từ ngày 24/11 – 26/11/2018) gây ra, khu vực tỉnh Khánh Hòa đã có 02 đợt mưa lũ lớn trên diện rộng với tổng lượng mưa từ 300mm đến 500mm. Trong 02 đợt mưa lũ liên tiếp, toàn tỉnh đã có 19 người chết, 33 người bị thương, 200 nhà bị sập, hư hỏng; hơn 1.200 ha diện tích sản xuất, hoa màu bị ngập, hư hại; khoảng 10.000 con gia cầm, gia súc bị chết, cuốn trôi; hàng chục nghìn m³ đất đá sạt lở gây ách tắc giao thông, nhiều cơ sở hạ tầng bị hư hỏng, ... Tổng thiệt hại ước tính trên 396 tỷ đồng.

II. BÁO CÁO CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Hiện trạng, diễn biến các thành phần môi trường và các vấn đề môi trường

1.1. Hiện trạng và diễn biến các thành phần môi trường

a. Môi trường đất:

- Tổng diện tích đất tự nhiên toàn tỉnh Khánh Hòa là **513.779,5 ha**. Trên cơ sở đó, việc phân bổ diện tích các loại đất trong năm 2017 như sau:

+ Đất nông nghiệp: 335.379,65 ha (65,28%); bao gồm đất sản xuất nông nghiệp: 100.382,34 (19,54%) và đất lâm nghiệp: 226.710,95 (44,13%);

+ Đất phi nông nghiệp: 100.783,35 ha (19,62%);

+ Đất chưa sử dụng: 77.616,61 (15,11%).

- Tổng diện tích tự nhiên tỉnh Khánh Hòa năm 2017 không thay đổi. Tổng diện tích tự nhiên là 513.779,50 ha. So sánh số liệu thống kê đất đai toàn tỉnh với năm 2016 thì có một số loại đất chính biến động chủ yếu sau đây:

Bảng 1. Biến động diện tích đất đai năm 2017 so với năm 2016

STT	Mục đích sử dụng đất	Diện tích năm 2017 (ha)	So với năm 2016	
			Diện tích năm 2016 (ha)	Tăng (+) Giảm (-)
	Tổng diện tích tự nhiên	513.779,50	513.779,50	0
1.	Đất nông nghiệp	335.379,54	336.093,93	-714,39
	+ Đất sản xuất nông nghiệp	100.382,34	100.675,75	-293,41
	+ Đất lâm nghiệp	226.710,95	227.114,24	-403,29
2.	Đất phi nông nghiệp	100.783,35	99.867,73	+915,62
3.	Đất chưa sử dụng	77.616,61	77.817,84	-201,23

(Nguồn: Sở Tài nguyên và Môi trường)

- Về hiện trạng và biến động diện tích rừng: theo Quyết định 92/QĐ-UBND ngày 05/3/2018 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt số liệu diện tích rừng và đất quy hoạch phát triển rừng tỉnh Khánh Hòa năm 2017, hiện trạng rừng và đất quy hoạch phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa tính đến 31/12/2017 là **240.500,51 ha**; trong đó:

+ Diện tích rừng tự nhiên: 177.068,88 ha (quy hoạch lâm nghiệp là 174.167,76 ha; ngoài quy hoạch lâm nghiệp là 2.901,12 ha);

+ Diện tích rừng trồng: 63.431,63 ha (quy hoạch lâm nghiệp là 33.482,24 ha; ngoài quy hoạch lâm nghiệp là 29.949,39 ha);

+ Độ che phủ rừng tỉnh Khánh Hòa tính đến cuối năm 2017 là 46,01%.

+ Biến động diện tích rừng từ năm 2012 đến năm 2017 như sau:

Bảng 2. Diện tích rừng tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2012 - 2017

Năm	Diện tích rừng tự nhiên (ha)	Diện tích rừng trồng (ha)	Tổng (ha)	Diện tích rừng tăng (+), giảm (-) so với năm trước (ha)	Độ che phủ (%)
2012	170.569,1	40.901,6	211.470,7		40,5
2013	170.427,3	42.476,4	212.903,7	1.433,0	40,6
2014	170.271,5	43.763,3	214.034,8	1.131,1	40,8
2015	171.583,5	43.451,5	215.035,0	1.000,2	40,9
2016	177.068,9	71.934,4	249.003,3	33.968,3	46,0
2017	177.068,88	63.431,63	240.500,51	8.502,8	46,01

(Nguồn: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

+ Diện tích rừng do bị chặt phá, cháy, chuyển đổi mục đích: ngày 20/8/2018, trên địa bàn toàn tỉnh xảy ra 01 vụ cháy rừng trồng thuộc lâm phận Công ty TNHH Một thành viên Lâm sản Khánh Hòa được giao quản lý tại xã Khánh Thượng, huyện Khánh

Vĩnh. Hiện nay, các cơ quan chức năng đang phối hợp kiểm tra, đo đếm, xác định diện tích rừng bị thiệt hại và điều tra nguyên nhân vụ cháy.

- Diện tích đất nuôi trồng thủy sản (NTTS) tiếp tục suy giảm diện tích: theo Quyết định số 1788/QĐ-UBND ngày 22/6/2018 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành thủy sản tỉnh Khánh Hòa đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035 thì so với năm 2015, tổng diện tích đất nuôi trồng thủy sản đến năm 2025 bị giảm và chuyển mục đích sử dụng là 1.766 ha. Hầu hết các địa phương đều quy hoạch giảm diện tích NTTS. Trong đó, địa bàn Nha Trang đến năm 2025 không còn diện tích NTTS, địa bàn Cam Ranh chỉ còn 65 ha. Một số nguyên nhân khác dẫn đến diện tích nuôi trồng thủy sản giảm như: ảnh hưởng của biến đổi khí hậu (nhiệt độ tăng lên, lượng mưa tăng lên đáng kể, mưa lớn gây lũ lụt trong mùa thu, mùa đông và hạn hán trong mùa xuân, mùa hè), môi trường vùng nuôi bị ô nhiễm, đất nuôi trồng thủy sản chuyển mục đích sử dụng cho các hoạt động khác như: du lịch, đô thị, công nghiệp,... Trong năm 2017, diện tích thả nuôi thủy sản nước mặn – lợ: 3.588 ha ao đĩa, nước ngọt: 565 ha, với tổng sản lượng nuôi trồng thủy sản là 16.079 tấn (nuôi ao đĩa và nuôi lồng bè).

b. Môi trường nước

Chất lượng nguồn nước mặt trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa được quan trắc tại 19 trạm (sông, suối, hồ chứa nước) tính đến tháng 8/2018 dựa theo chỉ số chất lượng nước WQI (đối với các thông số: nhiệt độ, pH, độ đục, TSS, DO, BOD₅, COD, amoni, photphat, coliform) được đánh giá như sau:

Tại các hồ chứa nước: Hầu hết chất lượng nước ở các hồ đều sử dụng tốt cho mục đích cấp nước sinh hoạt với tần suất chất từ 25% - 100% (ngoại trừ Hồ Cam Ranh đạt mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần có biện pháp xử lý với tần suất 71% và tưới tiêu 13%; Hồ Hoa Sơn chỉ đạt mục đích tưới tiêu – tháng 7). So với năm 2017 chất lượng nước tại Hồ Suối Hành được cải thiện sử dụng tốt cho mục đích cấp nước sinh hoạt với tần suất 100%, trong khi Hồ Cam Ranh và Hồ Hoa Sơn suy giảm (tần suất đạt mục đích cấp nước sinh hoạt chỉ đạt 25% - 88%).

Sông Cái Nha Trang: So với năm 2017, chất lượng nước tại các trạm quan trắc có dấu hiệu suy giảm nhẹ trừ Cầu Sắt Nha Trang. Mặc dù không có tháng bị ô nhiễm nặng nhưng tần suất đạt chỉ tiêu sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt tại các trạm chỉ từ 13% - 88%, riêng Thanh Minh chỉ đạt mục đích tưới tiêu tần suất 13% (tháng 4).

Sông Dinh Ninh Hòa: được cải thiện khá tốt hơn so với năm 2017 với tỉ lệ đạt mục đích cấp nước sinh hoạt 75%, ngoại trừ Cầu Dục Mỹ chỉ đạt mục đích tưới tiêu với tần suất 25% (tháng 5 và tháng 8).

Sông Suối Dầu và sông Tô Hạp: so với năm 2017, chất lượng nước tại 02 khu vực này vẫn tiếp tục sử dụng tốt cho mục đích cấp nước sinh hoạt, tần suất đạt tới 100% trong năm 2018.

Tại các kênh mương tiếp nhận nước thải: Tính đến tháng 8/2018, Mương Nhà máy Dệt Nha Trang ô nhiễm nặng với tần suất 38%; trong khi Cống Diên Toàn và Cống số 4- KCN Suối Dầu được cải thiện so với năm 2017 (không có tháng bị ô nhiễm nặng), đặc biệt là tại Cống Số 4 – KCN Suối Dầu đạt mục đích tưới tiêu lên đến 8%.

c. Môi trường không khí

Diễn biến chất lượng môi trường không khí trong các khu đô thị, dân cư tính đến tháng 8 năm 2018 được đánh giá như sau:

- Tại khu vực huyện Ninh Hòa (Ngã ba Ninh Hòa) – huyện Vạn Ninh (thị trấn Vạn Giã, Khu TĐC Ninh Thủy):

+ Tiếng ồn: dao động trong khoảng 52,3-72,5 dBA, khu vực TĐC Ninh Thủy và TT Vạn Giã luôn nằm trong giới hạn cho phép. Trạm Ngã ba Ninh Hòa có tần suất vượt quy chuẩn là 75%. So với TB năm 2017 tiếng ồn tại các trạm biến động không đáng kể.

+ Bụi (TSP): dao động trong khoảng 7 – 210 $\mu\text{g}/\text{m}^3$, nồng độ bụi tại các trạm luôn nằm trong giới hạn cho phép với tần suất 100%. So với TB năm 2017, nồng độ bụi tại Ngã Ba Ninh Hòa có xu hướng giảm, nhưng tại 02 trạm còn lại có dấu hiệu gia tăng.

+ SO_2 , NO_2 , CO, O_3 và HC: đạt quy chuẩn tại tất cả các điểm quan trắc vào các thời điểm quan trắc trong năm với mức dao động của SO_2 là 13 – 21 $\mu\text{g}/\text{m}^3$, NO_2 : 8 – 23 $\mu\text{g}/\text{m}^3$, CO: 900 – 7.300 $\mu\text{g}/\text{m}^3$, O_3 : 62 – 124 $\mu\text{g}/\text{m}^3$ và HC: 733 – 3.600 $\mu\text{g}/\text{m}^3$. So với TB năm 2017, phần lớn các giá trị ít biến động tại các trạm, ngoại trừ nồng độ CO có xu hướng tăng tại các trạm.

- Tại khu vực thành phố Nha Trang (CCN Đắc Lộc, trạm tự động Đồng Đế, trạm quan trắc tự động số 14 Hoàng Hoa Thám, Ngã ba Bình Tân) – huyện Diên Khánh (CCN Diên Phú, Ngã ba Cây Dầu Đôi, Thành cổ Diên Khánh):

+ Tiếng ồn: dao động trong khoảng 57,4 – 76,4 dBA; tại khu vực CCN Đắc Lộc, CCN Diên Phú và Thành cổ Diên Khánh mức ồn luôn nằm trong giới hạn cho phép; tại Ngã ba Bình Tân và Ngã ba Cây Dầu Đôi (khu vực có mật độ giao thông cao), tiếng ồn thường xuyên vượt quy chuẩn với tần suất lần lượt là 75% và 100%. So với TB năm 2017, ngoài trừ mức ồn tại Ngã Ba Cây Dầu Đôi ít biến động, các trạm còn lại đều tăng nhẹ.

+ Bụi (TSP): dao động trong khoảng 43 – 770 $\mu\text{g}/\text{m}^3$; khu vực có nồng độ bụi vượt quy chuẩn với tần suất cao là Ngã Ba Cây Dầu Đôi (63%), ngoài ra còn có Ngã Ba Bình Tân (25%) và CCN Đắc Lộc (13%), tuy nhiên giá trị nồng độ bụi tại khu vực này cao nhất so với các trạm còn lại 770 $\mu\text{g}/\text{m}^3$). So với TB năm 2017, trừ trạm CCN Diên Phú và Thành Cổ Diên phú giảm nhẹ, nồng độ bụi tại các trạm hầu hết đều có xu hướng tăng.

+ SO₂, NO₂, CO, O₃ và HC: đạt quy chuẩn tại tất cả các điểm quan trắc vào các thời điểm quan trắc trong năm với mức dao động của SO₂ là 11 – 28 µg/m³, NO₂: 3 – 29 µg/m³, CO: 1.300 – 7.300 µg/m³, O₃: 62 – 117 µg/m³ và HC: 800 – 4.200 µg/m³. So với TB năm 2017, nhìn chung các giá trị quan trắc biến động không nhiều, riêng nồng độ CO tăng tại phần lớn các trạm.

+ Tại trạm quan trắc tự động Đồng Đê: tính đến tháng 8/2018, ngoài trừ các chỉ tiêu vi khí hậu (hướng gió, tốc độ gió, độ ẩm, bức xạ, áp suất) và ôzôn vẫn còn hoạt động tốt, các thiết bị module còn lại đều bị hỏng và chưa có giải pháp xử lý. Do đó, việc đánh giá chất lượng môi trường không khí xung quanh khu vực còn hạn chế và thiếu tính toàn diện. Giá trị trung bình năm của phần lớn các giá trị quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép, trừ một số ít giá trị vượt quy chuẩn (O₃ trung bình 1 giờ và trung bình 8 giờ). Các thông số PM₁₀ – PM_{2,5} – PM₁ (chỉ tính đến tháng 4/2018) và NO, NO₂, NO_x (chỉ tính đến tháng 5/2018), thường đạt cực đại vào khoảng thời gian có mật độ xe cộ lưu thông trên đường lớn. Nồng độ O₃ thường có mối tương quan thuận với cường độ bức xạ mặt trời trong ngày và thấp dần về đêm. Theo chỉ số AQI, tính đến tháng 8/2018, số ngày chất lượng không khí đạt loại tốt chiếm tỷ lệ 28% (tăng 18% so với cùng kỳ năm 2017), đạt trung bình (84%), kém (2%).

+ Tại trạm quan trắc tự động số 14 Hoàng Hoa Thám: chất lượng môi trường không khí xung quanh khu vực trạm vẫn tương đối tốt, các giá trị quan trắc đều đạt QCVN 05:2013/ BTNMT

- Tại khu vực huyện Cam Lâm (KCN Suối Dầu, Bãi Dài, thị trấn Cam Đức) – thành phố Cam Ranh (Sân Bay Cam Ranh, TP Cam Ranh):

+ Tiếng ồn: dao động trong khoảng 57,3 – 75,6 dBA; trừ trạm TP Cam Ranh có mức ồn thường xuyên vượt quy chuẩn với tần suất 100%, các trạm còn lại mức ồn luôn nằm trong giới hạn cho phép; So với TB năm 2017, mức ồn tại các trạm biến động không nhiều.

+ Bụi (TSP): dao động trong khoảng 7 – 1.017 µg/m³, trạm có nồng độ bụi cao nhất là TT Cam Đức (tháng 2 – 1.017 µg/m³). Ngoài trừ KCN Suối Dầu, Bãi Dài, Sân bay Cam Ranh có nồng độ bụi luôn nằm trong giới hạn cho phép, các trạm còn lại có tần suất vượt quy chuẩn lần lượt là: TT Cam Đức (13%), TP Cam Ranh (38%). So với TB năm 2017, nồng độ bụi tại các khu vực Sân Bay Cam Ranh và KCN Suối Dầu giảm, trong khi các trạm còn lại có xu hướng tăng.

+ SO₂, NO₂, CO, O₃ và HC: đạt quy chuẩn tại tất cả các điểm quan trắc vào các thời điểm quan trắc trong năm với mức dao động của SO₂ là 11 – 25 µg/m³, NO₂: 3 – 25 µg/m³, CO: 1.100 – 7.100 µg/m³, O₃: 61 – 123 µg/m³ và HC: 800 – 4.000 µg/m³. So với TB năm 2017, tại trạm KCN Suối Dầu và TP Cam Ranh, các giá trị tăng nhẹ tại các trạm như O₃, CO và HC), các giá trị còn lại tại các trạm ít biến động.

- Tại khu vực huyện Khánh Vĩnh (TT Khánh Vĩnh) – huyện Khánh Sơn (TT Tô Hạp):

+ Tiếng ồn: mức ồn khá thấp so với toàn tỉnh, giá trị dao động trong khoảng 53 – 63 dBA. So với TB năm 2017, mức ồn tại TT Khánh Vĩnh và TT Tô Hạp biến động không nhiều.

+ Bụi (TSP): luôn đạt quy chuẩn dao động từ 30-157 $\mu\text{g}/\text{m}^3$; nồng độ bụi luôn nằm trong giới hạn cho phép tại cả 02 trạm. So với TB năm 2017, nồng độ bụi tại TT Tô Hạp và TT Khánh Vĩnh đều giảm.

+ SO_2 , NO_2 , CO, O_3 và HC: đạt quy chuẩn tại tất cả các điểm quan trắc vào các thời điểm quan trắc trong năm với mức dao động của SO_2 là 11 – 16 $\mu\text{g}/\text{m}^3$, NO_2 : 5 – 14 $\mu\text{g}/\text{m}^3$, CO: 1.100 – 5.700 $\mu\text{g}/\text{m}^3$, O_3 : 65 – 91 $\mu\text{g}/\text{m}^3$ và HC: 733 – 3.000 $\mu\text{g}/\text{m}^3$. So với TB năm 2017, phần lớn các thông số quan trắc tại TT Tô Hạp và TT Khánh Vĩnh ít biến động, ngoại trừ giá trị CO có xu hướng tăng tại 02 trạm.

d. Đa dạng sinh học

Hiện trạng và biến động số lượng các loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ, giống cây trồng, vật nuôi quý hiếm trên địa bàn tỉnh như sau:

- Về động vật sống trên cạn: Động vật hoang dã được gây nuôi ở hầu hết các địa phương trên địa bàn tỉnh với số loài vật nuôi khá đa dạng như: Nhím, hươu sao, heo rừng, cá sấu nước ngọt, công, gấu, một số loài rắn, rùa Trong đó, có 09 loài với 36 cá thể động vật hoang dã thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ ban hành kèm theo Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ, bao gồm: gấu chó 01 cá thể, gấu ngựa 13 cá thể, voi 01 cá thể, rắn hổ mang chúa 01 cá thể, voọc bạc đông dương 10 cá thể, niệc mỏ vàng 02 cá thể, vượn đen má hung 01 cá thể, hổ 06 cá thể và hồng hoàng 01 cá thể.

- Về động vật sống dưới nước: theo Nghị định số 160/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, có 05 loài thuộc bộ rùa biển (Testudines) nằm trong danh mục bao gồm: Họ Rùa da (Dermochelyidae) có 1 loài Rùa da (*Dermochelys coriacea*), Họ Vích (Cheloniidae) có 04 loài: Đồi mồi (*Eretmochelys imbricata*), Đồi mồi dứa (*Lepidochelys olivacea*), Rùa biển đầu to (Quần đồng *Caretta caretta*), Vích (*Chelonia mydas*).

- Về thực vật: Hiện nay số loài thực vật trên địa bàn tỉnh khá phong phú, đa dạng. Trong đó, có 02 loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ ban hành kèm theo Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ: Chai lá cong (*Shorea falcata*) và Sao hình tim (*Hopea cordata*).

1.2. Các nguồn gây ô nhiễm môi trường

a. Cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng:

Năm 2018, trên địa bàn tỉnh không còn cơ sở nằm trong danh sách cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

b. Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề; khu đô thị, khu dân cư tập trung:

Trên địa bàn tỉnh có 04 khu công nghiệp (KCN), trong đó chỉ có một KCN đã đi vào hoạt động là KCN Suối Dầu; KCN Ninh Thủy vừa xây dựng vừa hoạt động, 02 KCN còn lại là KCN Vạn Thắng và KCN Nam Cam Ranh hiện đang trong giai đoạn kêu gọi đầu tư phát triển hạ tầng và 08 cụm công nghiệp (CCN) đang hoạt động.

- KCN Suối Dầu: tổng lượng nước thải phát sinh từ các doanh nghiệp tại KCN Suối Dầu ước tính khoảng 2.565 m³/ngày (trong đó, nước thải sinh hoạt 762 m³/ngày, nước thải công nghiệp 1.803 m³/ngày), chất thải rắn thông thường khoảng 14,77 tấn/ngày, chất thải nguy hại khoảng 0,26 tấn/ngày. Nước thải phát sinh từ KCN Suối Dầu được xử lý qua hệ thống xử lý nước thải công suất 5.000m³/ngày đêm. Hiện nay, Công ty đã lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động truyền số liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa (TNMT) để theo dõi, giám sát. Chất thải rắn thông thường phát sinh khoảng 14,77 tấn/ngày được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý; bùn sinh học dùng làm phân bón cho thảm cây xanh KCN.

- CCN Diên Phú: nước thải phát sinh trung bình hàng ngày khoảng 200 m³/ngày đêm và được xử lý qua hệ thống xử lý nước thải công suất 1.500 m³/ngày đêm. Ngày 31/10/2017, UBND tỉnh đã có Quyết định số 3285/QĐ-UBND về việc phê duyệt đầu tư dự án xây dựng hệ thống quan trắc nước thải tự động cụm công nghiệp Diên Phú”, hiện tại Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại – Sở Công thương đang tiến hành các thủ tục có liên quan để triển khai. Về xử lý chất thải rắn: các doanh nghiệp đã ký hợp đồng dịch vụ với Ban quản lý Công trình công cộng & Môi trường Đô thị Diên Khánh để thu gom và xử lý.

- CCN Đắc Lộc: đã được UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 3721/QĐ-UBND ngày 02/12/2016 phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Trạm xử lý nước thải và Hệ thống quan trắc nước thải tự động Cụm công nghiệp Đắc Lộc, thành phố Nha Trang. Về xử lý bụi: Các doanh nghiệp vận chuyển ra vào CCN đều phủ bạt kín tránh phát tán ra môi trường xung quanh. Kết quả giám sát môi trường định kỳ tại 10 vị trí trong CCN các thông số bụi, tiếng ồn, CO, NO₂, SO₂, ... đạt quy chuẩn cho phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Về xử lý chất thải rắn: các doanh nghiệp ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom như: Công ty Môi trường đô thị Diên Khánh; Công ty Cổ phần môi trường đô thị Nha Trang... để thu gom và xử lý theo quy định.

- CCN và chăn nuôi Khatoco tại xã Ninh Ích, thị xã Ninh Hòa do Tổng Công ty Khánh Việt làm chủ đầu tư được UBND tỉnh phê duyệt báo cáo Đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 17/3/2010 với diện tích quy hoạch là 36,16 ha, đã được đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng hiện tại có 03 cơ sở đang hoạt động với ngành nghề chăn nuôi, thuộc da, may mặc; các cơ sở trong CCN đã đầu tư công trình xử lý nước thải đạt quy chuẩn trước khi xả ra môi trường.

- CCN Sông Cầu được quy hoạch với diện tích 40 ha do Công ty TNHH NN MTV Yến Sào Khánh Hòa làm chủ đầu tư được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt Báo cáo ĐTM tại Quyết định số 1379/QĐ-UBND ngày 04/6/2014. Hiện nay, dự án đang hoàn thiện cơ sở hạ tầng.

- CCN Trảng É 1 tại xã Phước Đồng, thành phố Nha Trang được quy hoạch với diện tích 35,2 ha do Công ty TNHH MTV Đầu tư và Kinh doanh bất động sản Khatoco làm chủ đầu tư được UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 3030/QĐ-UBND ngày 23/10/2015 đang hoàn tất các hạng mục kỹ thuật để đi vào hoạt động.

- CCN Trảng É 2 tại xã Suối Cát và Suối Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa do Công ty TNHH MTV Đầu tư và Kinh doanh bất động sản Khatoco làm chủ đầu tư được UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 3876/QĐ-UBND ngày 13/12/2018 (Quy mô: 46,37 ha). Dự án đang trong giai đoạn hoàn thiện các thủ tục để xin giấy phép xây dựng.

- CCN Diên Phú – VCN tại xã Diên Phú, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa do Công ty Cổ phần Đầu tư VCN làm chủ đầu tư đã được UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 1174/QĐ-UBND ngày 03/5/2018 (Quy mô: 9,8 ha). Dự án đang trong giai đoạn hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật.

- CCN Diên Phú – VCN (Giai đoạn 2) tại xã Diên Phú, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa do Công ty Cổ phần Đầu tư VCN làm chủ đầu tư đã được UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 3101/QĐ-UBND ngày 17/10/2018 (Quy mô: 9,9 ha). Dự án đang trong giai đoạn hoàn thiện các thủ tục để xin giấy phép xây dựng.

c. Các nguồn thải lớn (nước thải từ 1.000 m³ ngày đêm; khí thải theo phụ lục kèm theo Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ quy định quản lý chất thải và phế liệu)

- Trong năm 2018, UBND tỉnh đã giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì triển khai thực hiện nhiệm vụ “Đánh giá, khoanh vùng các nguồn nước thải có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; xây dựng cơ sở dữ liệu nguồn thải trên địa bàn tỉnh”. Mục tiêu của nhiệm vụ nhằm thống kê toàn bộ nguồn nước thải trên địa bàn tỉnh; xây dựng cơ sở dữ liệu các nguồn nước thải trên lưu vực sông; rà soát, đánh giá, khoanh vùng các nguồn nước thải lớn, tiềm ẩn rủi ro gây sự cố môi trường và có biện pháp kiểm soát chặt chẽ. Hiện tại, đang xây dựng đề cương để trình thẩm định, phê duyệt theo quy định.

- Về nước thải sinh hoạt khu dân cư, đô thị: tỉnh Khánh Hòa đã được đầu tư 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung phía Nam thành phố Nha Trang công suất thiết kế 40.000 m³/ngày đêm phục vụ thu gom xử lý nước thải tại các phường trung tâm phía Nam thành phố Nha Trang và tiếp nhận nước thải sau xử lý từ bãi rác Lương Hòa để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn 14/2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

về nước thải sinh hoạt; QCVN40/2011/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi xả thải ra môi trường. Lưu lượng nước thải sau xử lý của Nhà máy xả thải ra sông Tắc hiện nay khoảng 30.000 m³/ngày.

- Về nước thải sản xuất: tính đến thời điểm hiện nay có khoảng 04 cơ sở có lưu lượng nước thải trên 1.000 m³/ngày nằm trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (nằm ngoài các KCN) đã lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động truyền số liệu trực tiếp về Sở TNMT bao gồm: Công ty CP Dệt may Nha Trang; Công ty cổ phần Đường Việt Nam; Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa – Ninh Hòa; Công ty CP Bia Sài Gòn – Khánh Hòa.

- Về khí thải có 04 cơ sở có lưu lượng khí thải lớn nằm ngoài KCN phải lắp đặt quan trắc tự động : Công ty cổ phần Đường Việt Nam, Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa – Ninh Hòa (hiện tại 02 cơ sở này đã lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động nhưng chưa truyền số liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường do đang ngoài niên vụ sản xuất); 02 cơ sở ngành nghề xi măng thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động: Công ty CP Xi măng Hà Tiên 1; Công ty CP xi măng Hòn Khói đến nay 02 đơn vị này chưa thực hiện việc lắp đặt. Đến thời điểm hiện tại, Bộ Tài nguyên và Môi trường chưa hướng dẫn thực hiện kiểm kê khí thải công nghiệp và xây dựng cơ sở dữ liệu về khí thải công nghiệp theo Điều 45, 46 của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2018 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.

d. Dự án khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, thủy điện

- Các dự án khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng:

+ Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa có 36 dự án đang khai thác khoáng sản; 32 dự án đang khai thác vật liệu xây dựng; với tổng lượng đất, đá bị bóc trong khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng (trừ lượng đã được cấp phép khai thác) là **21.965.864 m³**.

+ Triển khai thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TU ngày 03/4/2018 của Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã có Thông báo số 453/TB-UBND ngày 20/7/2018 chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường cùng các cơ quan chức năng liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tăng cường công tác quản lý đối với hoạt động khai thác, vận chuyển và kinh doanh khoáng sản cát, sỏi đất đá làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh, cụ thể: dừng, không cấp mới hoặc gia hạn nạo vét, thu hồi khoáng sản trong năm 2018; tập trung vào công tác kiểm tra, chấn chỉnh vi phạm trong hoạt động khai thác khoáng sản, đặc biệt là khai thác khoáng sản cát; tham mưu tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định (bao gồm cả nạo vét, thu hồi khoáng sản từ sông, suối, hồ chứa, hồ thủy điện...); xem xét xử lý trách nhiệm người đứng đầu các địa phương để xảy ra vi phạm trong công tác quản lý khoáng sản gây ảnh hưởng đến đất đai, công trình, cuộc sống người dân...

- Các dự án thủy điện:

+ Theo Quy hoạch thủy điện vừa và nhỏ được Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) phê duyệt tại Quyết định số 3454/QĐ-BCN ngày 18/10/2005, Khánh Hòa có 04 dự án thủy điện gồm: Thủy điện EakrongRou với công suất 28MW; Thủy điện Sông Giang 2 với công suất 37MW; Thủy điện Sông Giang 1 với công suất 12MW và Thủy điện Sông Chò 2 với công suất 7MW, tổng công suất lắp máy là 84MW.

+ Tính đến thời điểm hiện nay, có 02 nhà máy thủy điện đã hoàn thành và đưa vào vận hành: Nhà máy thủy điện Ea Krong Rou tại xã Ninh Tây, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa do Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển miền trung làm chủ đầu tư có công suất 28MW được Sở Khoa học và Công nghệ cấp phiếu xác nhận đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 666/KHCNMT ngày 14/8/2003; Nhà máy thủy điện Sông Giang 2 tại xã Khánh Trung, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa do Công ty Cổ phần Khai thác thủy điện Sông Giang 2 làm chủ đầu tư có công suất 30MW được Sở TNMT cấp phiếu xác nhận đạt tiêu chuẩn môi trường số 662/TNMT ngày 10/5/2005; 02 dự án đang trong giai đoạn triển khai thi công Thủy điện Sông Chò 2 do Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chò làm chủ đầu tư có công suất 7MW được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt báo cáo ĐTM tại Quyết định số 3398/QĐ-UBND ngày 07/11/2017 và Thủy điện Sông Giang 1 do Công ty Cổ phần thủy điện Sông Giang làm chủ đầu tư.

+ Việc đầu tư các nhà máy thủy điện tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực như cải thiện hệ thống cơ sở hạ tầng, tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương, tăng ngân sách cho tỉnh Khánh Hòa, mang lại hiệu ích kinh tế xã hội cho khu vực dự án... Bên cạnh đó, việc đầu tư nhà máy chiếm nhiều diện tích đất như đất trồng cây, đất rừng; làm thay đổi mục đích sử dụng đất của khu vực dự án. Hoạt động phát quang, san lấp mặt bằng gây nên xáo trộn, suy giảm thảm thực vật, tài nguyên rừng suy giảm và làm tăng nguy cơ xói mòn cho khu đất; tăng nguy cơ sụt lở đất khu vực dự án; thay đổi điều kiện vi khí hậu khu vực dự án.

1.3. Tình hình phát sinh chất thải

a. Chất thải rắn sinh hoạt thông thường:

- Năm 2018, chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH) phát sinh trên toàn tỉnh (gồm 06 huyện, 01 thị xã, 02 thành phố với 35 phường, 06 thị trấn và 99 xã) với tổng khối lượng khoảng **812,24 tấn/ngày** (Nguồn: *Sở Xây dựng*). Trong đó, thành phố Nha Trang có 19 phường, 08 xã; thành phố Cam Ranh có 09 phường, 06 xã; thị xã Ninh Hòa có 07 phường, 20 xã; huyện Diên Khánh có 01 thị trấn, 18 xã; huyện Cam Lâm có 01 thị trấn, 13 xã; huyện Vạn Ninh có 01 thị trấn, 12 xã; huyện Khánh Vĩnh có 01 thị trấn, 13 xã; huyện Khánh Sơn có 01 thị trấn, 01 xã; huyện Trường Sa có 01 thị trấn, 02 xã cơ bản đã được thu gom, xử lý với nhiều hình thức.

- Tính đến thời điểm hiện tại, trên địa bàn tỉnh đã thực hiện việc đóng cửa 03 bãi rác Bãi rác Rù Rì (thành phố Nha Trang), Hòn Sạn (Cam Thịnh Đông – thành

phố Cam Ranh) và đóng cửa một phần bãi chôn lấp Hòn Rọ (xã Ninh An – thị xã Ninh Hòa). Do còn thiếu nguồn vốn nên việc cải tạo, phục hồi tái sử dụng diện tích sau khi đóng cửa bãi chôn lấp còn gặp nhiều khó khăn, thậm chí gây ô nhiễm môi trường (đặc biệt nước chảy tràn trong mùa mưa).

- Đã đầu tư xây dựng 03 bãi rác phù hợp với các tiêu chuẩn chôn lấp hợp vệ sinh tại thành phố Nha Trang (Bãi chôn lấp hợp vệ sinh Lương Hòa), thành phố Cam Ranh (Bãi rác Cam Thịnh Đông) và thị xã Ninh Hòa (Bãi rác Hòn Rọ). Ngoài ra, Bãi rác Dốc Đỏ thuộc huyện Cam Lâm được đầu tư 01 lò đốt rác sinh hoạt theo công nghệ Nhật Bản; tuy nhiên, hiện tại bãi rác đang quá tải, lò đốt rác chưa đáp ứng được nhu cầu xử lý rác tại địa phương. Các bãi rác còn lại tại các huyện và một số xã khu vực nông thôn chưa được đầu tư công nghệ xử lý hợp vệ sinh mà chủ yếu thực hiện biện pháp chôn lấp và đốt tự nhiên gây ô nhiễm môi trường và thiếu thẩm mỹ cảnh quan khu vực xung quanh, lân cận...; thông tin cụ thể:

+ Bãi chôn lấp hợp vệ sinh Lương Hòa thuộc xã Vĩnh Lương, thành phố Nha Trang được đầu tư từ nguồn vốn vay của Ngân hàng thế giới (WB) thuộc Dự án cải thiện vệ sinh môi trường các thành phố duyên hải – Tiểu dự án thành phố Nha Trang. Diện tích bãi chôn lấp rộng 45 ha với 03 hợp phần chính: 02 ô chôn lấp chất thải rắn thông thường rộng 12,8 ha, 01 ô chôn lấp chất thải nguy hại, hệ thống xử lý nước rỉ rác sơ bộ công suất 186 m³/ngày đêm. Bãi chôn lấp Lương Hòa phục vụ cho việc xử lý chất thải rắn thông thường của thành phố Nha Trang. Nước rỉ rác sau khi xử lý được thu gom đưa về trạm bơm số 04 khu vực cầu Hà Ra và bơm về hệ thống xử lý nước thải phía Nam thành phố Nha Trang tiếp tục xử lý trước khi xả ra Sông Tắc.

+ Bãi chôn lấp hợp vệ sinh Hòn Rọ thuộc xã Ninh An, thị xã Ninh Hòa được đầu tư từ nguồn vốn xã hội hóa của thị xã Ninh Hòa. Bãi rác được cải tạo lại từ bãi rác cũ, Công ty Cổ phần đô thị Ninh Hòa đã ủi dôn nén phần rác trước đây tạo thành một khối và đầm nén phủ đất lên trên; tạo một ô chôn lấp mới rộng 1,4 ha được lót chống thấm và bố trí thu gom nước rỉ rác đưa về hệ thống xử lý công suất 60 m³/ngày đêm. Bãi rác Hòn Rọ sẽ phục vụ việc xử lý chất thải rắn sinh hoạt dự kiến cho thị xã Ninh Hòa trong 05 năm từ 2015 đến 2020.

+ Bãi chôn lấp hợp vệ sinh Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh được đầu tư xây dựng từ nguồn vốn vay của Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) đưa vào sử dụng từ tháng 11/2014. Bãi chôn lấp bao gồm 01 ô chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt rộng 1,2 ha, hệ thống thu gom nước rỉ rác và hệ thống xử lý nước rỉ rác bằng công nghệ sinh học tùy nghi với tổng diện tích khoảng 2.000 m². Hệ thống xử lý nước rỉ rác được thiết kế chưa phù hợp (cơ bản chỉ là các ao chứa; hiện nay, thành phố Cam Ranh đang cho bổ sung thêm ao chứa nước rỉ rác trong thời gian tới), nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn theo hồ sơ môi trường được phê duyệt.

+ Lò đốt chất thải rắn sinh hoạt (lò SANKYO NFI 150 theo công nghệ Nhật Bản) đang hoạt động tại khu Dốc Đỏ, thôn Vĩnh Trung, xã Cam An Nam, huyện Cam Lâm đã được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi

tiết “Công trình xử lý rác theo công nghệ Nhật Bản” tại Quyết định số 402/QĐ-STNMT ngày 09/12/2014. Lò đốt đi vào hoạt động từ tháng 9/2014, có tuổi thọ thiết kế từ 5-10 năm lò gồm 3 buồng đốt (01 buồng đốt chính, 02 buồng đốt và xử lý khói); nhiệt độ hoạt động từ 650 – 1.000°C, công suất đốt tối đa 500kg/giờ. Sau một thời gian hoạt động, khí thải lò đốt qua các đợt quan trắc gần đây chưa đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

- UBND tỉnh Khánh Hòa đang giao Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa thực hiện nhiệm vụ Điều chỉnh quy hoạch quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh đến năm 2030 tại Quyết định số 3320/QĐ-UBND ngày 03/11/2017; Quyết định 563/QĐ-UBND ngày 23/2/2018 phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án “Điều chỉnh quy hoạch quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030”. Tiếp tục đẩy mạnh công tác xã hội hóa, kêu gọi đầu tư các dự án nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, trên thực tế hiện nay còn gặp nhiều khó khăn như: các tiêu chí lựa chọn, xác định công nghệ xử lý, nguồn ngân sách để bù vào nguồn chi đầu tư. Trong năm 2018, UBND tỉnh đã giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa chủ trì rà soát một số dự án đăng ký đầu tư dự án xử lý rác thải trên địa bàn tỉnh. Do nhiều nhà đầu tư giới thiệu công nghệ khác nhau, để chọn được công nghệ xử lý phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội cho từng nhà máy cần có các tiêu chí cụ thể.

- Hiện nay, các xã ở các địa phương trên địa bàn tỉnh đã xây dựng nhiều mô hình thu gom CTRSH; ở các xã gần khu vực trung tâm công tác thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH được giao cho các đơn vị có chức năng thu gom, xử lý CTRSH như Công ty Cổ phần Môi trường đô thị địa phương, đội thu gom rác do UBND các xã lập; còn lại ở các xã vùng sâu, vùng xa đã thành lập các Đội thu gom rác thải sinh hoạt tự quản, hình thành một mạng lưới thu gom CTRSH ở địa phương để vận chuyển rác đến các bãi chôn lấp tại các xã; một phần rác thải sinh hoạt được các hộ gia đình tự xử lý như đào hố chôn lấp rác tại vườn nhà, thiêu đốt. Nhìn chung, các mô hình đang thực hiện công tác thu gom rác thải của người dân tương đối tốt. Từng bước người dân đã có ý thức hơn trong việc thu gom và tập kết rác thải, hình thành thói quen tốt trong công tác bảo vệ môi trường.

b. Chất thải nguy hại (CTNH):

Trong năm 2017, khối lượng CTNH phát sinh trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa khoảng **1.023,5 tấn/năm** (Nguồn: Sở Tài nguyên và Môi trường). Tính đến ngày 09/11/2018, Sở Tài nguyên và Môi trường đã cấp sổ đăng ký, xác nhận cho 328 chủ nguồn thải CTNH; cấp mới và cấp lại **34** Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH; văn bản xác nhận cho **23** chủ nguồn thải CTNH.

- Trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, CTNH phát sinh từ nhiều lĩnh vực như: Nông nghiệp, thủy sản, xây dựng, du lịch, giao thông vận tải, khoáng sản... nhưng chủ yếu tập trung vào các cơ sở sản xuất, kinh doanh lớn thuộc các ngành công nghiệp và giao thông vận tải. Bên cạnh đó, các cơ sở y tế, bệnh viện cũng phát sinh lượng lớn chất thải y tế nguy hại. Một số cơ sở có lượng CTNH phát sinh lớn (kg/năm) như: Công ty TNHH

Nhà máy Tàu biển Hyundai Vinashin: 673.334; Công ty TNHH MTV Rapexco – Đại Nam: 11.972,83; Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa: 22.358,7; Công ty TNHH Steinsvik: 14.848; Chi nhánh Công ty CP xi măng Hà Tiên 1 – Trạm nghiền Cam Ranh: 16.641; Công ty TNHH Vinpearl Nha Trang: 25.285...

- Đối với chất thải y tế từ các cơ sở y tế, bệnh viện với tổng lượng phát sinh trên địa bàn tỉnh là 3.779 kg/ngày, bao gồm: chất thải y tế thông thường là 3.113 kg/ngày (tỷ lệ 82,4%), chất thải y tế nguy hại là 666 kg/ngày (tỷ lệ 17,6%). Chất thải y tế phát sinh được phân loại ngay tại nguồn, thu gom và được xử lý theo quy định tại Thông tư số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của Liên Bộ Y tế - Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải y tế.

+ Đối với chất thải y tế thông thường, các cơ sở y tế hợp đồng với Công ty Môi trường Đô thị tại địa phương để thu gom, xử lý 100%.

+ Đối với chất thải y tế nguy hại: thực hiện Kế hoạch quản lý chất thải y tế trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2015 – 2020 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1655/QĐ-UBND ngày 24/6/2015; trong năm 2016, được sự hỗ trợ của Ngân hàng thế giới thông qua việc thực hiện Dự án Hỗ trợ xử lý chất thải Bệnh viện, Sở Y tế đã xây dựng 04 cụm Hệ thống xử lý chất thải rắn y tế nguy hại tập trung bằng công nghệ vi sóng tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa, Bệnh viện huyện Diên Khánh, Bệnh viện Đa khoa khu vực Cam Ranh và Bệnh viện Đa khoa khu vực Ninh Hòa. Các hệ thống đã được đưa vào sử dụng đầu năm 2017. Bốn cụm Hệ thống xử lý chất thải rắn y tế nguy hại tập trung sẽ đảm nhận việc xử lý chất thải y tế nguy hại của các đơn vị không có hệ thống xử lý chất thải rắn y tế nguy hại hoặc hệ thống xử lý chất thải rắn y tế nguy hại bị hỏng. Ngoài ra, một số cơ sở y tế hợp đồng với Công ty Môi trường đô thị Khánh Hòa và Công ty Môi trường Việt Xanh để thu gom, xử lý. Tổng lượng chất thải y tế nguy hại phát sinh là 666 kg/ngày và được xử lý 662 kg/ngày (99,4%), đạt chỉ tiêu Kế hoạch (90%), số liệu cụ thể như sau:

Bảng 3. Khối lượng chất thải y tế nguy hại phát sinh

STT	Tên đơn vị	Đơn vị tính	Số lượng	
			Phát sinh	Đã xử lý
1	Bệnh viện	Kg/ngày	605	605
2	Phòng khám Đa khoa khu vực	Kg/ngày	17	16
3	Trạm y tế	Kg/ngày	24	21
4	Các cơ sở y tế khác	Kg/ngày	20	20
	TỔNG CỘNG	Kg/ngày	666	662

(Nguồn: Sở Y tế tỉnh Khánh Hòa)

- Đối với chất thải nông nghiệp nguy hại, chủ yếu là bao bì thuốc bảo vệ thực vật (BVTV): mỗi năm, lượng thuốc BVTV sử dụng trên địa bàn tỉnh khoảng 350 tấn, lượng bao bì chiếm khoảng 10% (tương đương 35 tấn/năm). Hầu hết các loại bao gói

thuốc BVTV sau sử dụng chưa được thu gom và xử lý đúng quy định. Một số địa phương đã bố trí bể chứa bao gói thuốc BVTV sau sử dụng nhưng quy cách bể chứa đúng quy định, số lượng bể chứa đáp ứng đủ yêu cầu, chưa thuận tiện nên người dân sau sử dụng thường vứt bỏ bao thuốc BVTV ngay tại nơi pha thuốc (bờ ruộng, bờ mương...). Thực tế một phần lượng bao bì do người dân tự chôn, đốt, còn lại được thu gom vào các bể chứa thuốc BVTV và chưa có nguồn kinh phí để xử lý, một số địa phương xử lý chung với rác thải sinh hoạt.

Tính đến thời điểm tháng 3/2018, có khoảng 20 đơn vị hành nghề quản lý CTNH do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép đóng trên địa bàn các tỉnh/thành phố Hà Nội, Quảng Ngãi, thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương... đang hoạt động thu gom CTNH trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa để vận chuyển, xử lý.

Trên địa bàn tỉnh hiện nay có 01 Nhà máy xử lý chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại của Công ty CP Môi trường Khánh Hòa đặt tại thôn Ninh Ích, xã Ninh An, thị xã Ninh Hòa đã được Bộ TNMT cấp Giấy phép xử lý chất thải nguy hại Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.095.VX ngày 31/5/2016 được vận hành ổn định.

c. Chất thải rắn công nghiệp thông thường (CTRCNTT):

Số lượng CTRCNTT phát sinh sinh trên địa bàn tỉnh khoảng **61.685 tấn/năm¹**. Các cơ sở phát sinh chất thải đã tiến hành phân loại tại nguồn và hợp đồng với đơn vị thu gom để vận chuyển đưa đi xử lý, một số thực hiện tái chế hoặc tự xử lý.

d. Tình hình phát sinh, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nông nghiệp tại khu vực nông thôn

Phần lớn các khu vực nông thôn tại các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh đều thực hiện theo mô hình thu gom rác tự quản. Rác thải phát sinh từ các hộ dân được các tổ thu gom rác tự quản thu gom, vận chuyển về các bãi chôn lấp của từng địa phương xử lý theo quy định; một số ít tự xử lý tại gia đình.

- Đối với chất thải nông nghiệp thông thường được phát sinh từ lĩnh vực trồng trọt, thu hoạch nông sản (thực vật chết, rơm rạ, trấu và vỏ củ các loại quả ...) với khối lượng khoảng 300.000 tấn/năm thường được người dân thu gom làm thức ăn gia súc, phần còn lại dùng làm chất đốt, phân hữu cơ, làm nguyên liệu trồng nấm... Lượng còn lại không sử dụng hết được người dân đem đốt bỏ.

- Đối với chất thải phát sinh từ lĩnh vực chăn nuôi, giết mổ gia súc, gia cầm (cho khoảng 270 cơ sở chăn nuôi lợn (135.000 con); 147 cơ sở chăn nuôi gia cầm (778.000 con); 17 cơ sở chăn nuôi bò (565 con); hoạt động giết mổ gia súc, gia cầm có 19 cơ sở giết mổ trâu, bò; 135 cơ sở giết mổ lợn; 32 cơ sở giết mổ gia cầm) với khối lượng khoảng 657.343 tấn/năm từ hoạt động chăn nuôi; 3.000 tấn chất thải rắn từ hoạt động giết mổ gia súc, gia cầm và 100 tấn chất thải nguy hại từ hoạt động chăm sóc thú y. Theo số liệu báo cáo của ngành nông nghiệp, đến nay có 12 cơ sở

¹ Nguồn: Báo cáo số 07/BC-UBND ngày 09/01/2019 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc quản lý, xử lý chất thải công nghiệp tỉnh Khánh Hòa gửi Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam

thuộc đối tượng lập báo cáo đánh giá tác động môi trường đều nằm xa khu dân cư; 271 cơ sở có kế hoạch bảo vệ môi trường, các cơ sở này phần lớn đã xây dựng hệ thống Biogas để xử lý nước thải phát sinh, nước thải sau xử lý được chủ cơ sở tái sử dụng để tưới cây; phân gia súc, gia cầm được thu gom bán cho các hộ sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, có khoảng 25.582 hộ chăn nuôi ở quy nông hộ (17.907 có áp dụng biện pháp xử lý chất thải; 7.675 hộ chưa áp dụng biện pháp xử lý chất thải). Hiện nay, đối với các cơ sở chăn nuôi nhỏ lẻ trong khu dân cư gây mùi hôi thối, ảnh hưởng đến dân cư ở khu vực, do hoạt động nhỏ lẻ liên quan đến sinh kế của một số hộ dân nên để giải quyết dứt điểm còn gặp khó khăn

- Đối với chất thải phát sinh từ lĩnh vực chế biến, kinh doanh thực phẩm nông lâm, thủy sản khu vực nông thôn thường rất ít, chủ yếu là các chất thải rắn thông thường như xương, da, vây, vảy....(của các cơ sở chế biến thủy sản), rau, quả dập nát, hư hỏng (của các cơ sở sản xuất, kinh doanh rau, củ, quả),....Các chất thải rắn này được các cơ sở thu gom và tập trung tại khu vực xử lý rác thải sinh hoạt của địa phương hoặc bán cho các cơ sở làm thực ăn chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản,....

1.4. Các vấn đề môi trường chính

Trong năm 2018, các vấn đề môi trường chính phát sinh trên địa bàn tỉnh như sau:

1.4.1. Ô nhiễm do rác thải tại các vùng nuôi trồng thủy sản:

Việc phát triển nuôi trồng thủy sản (NTTS) bằng lồng bè quá mức đã khiến chất lượng môi trường tại các vùng nuôi như vịnh Vân Phong, vịnh Cam Ranh, đầm Nha Phu giảm sút, kéo theo đó là tình trạng tôm, cá chết gây thiệt hại cho nông dân.

Nguyên nhân phần lớn do mật độ nuôi quá dày không theo quy hoạch vùng nuôi; chất thải (túi ni lông đựng thức ăn cho tôm, cá; rác thải sinh hoạt từ người nuôi...) không được thu gom, xử lý; lượng thức ăn thừa chìm ở dưới đáy lồng gây ô nhiễm nghiêm trọng môi trường nước, qua nhiều năm lớp bùn trầm tích đã rất dày, có nơi lên đến gần 0,5m.

Hiện nay, UBND tỉnh Khánh Hòa đã ban hành Quyết định số 1788/QĐ-UBND ngày 22/6/2018 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành thủy sản tỉnh Khánh Hòa đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035; trong đó có quy định mật độ nuôi, kiểu cách lồng bè phù hợp đối với từng vùng nuôi trên địa bàn tỉnh. Trong thời gian tới, UBND tỉnh sẽ tăng cường chỉ đạo các đơn vị liên quan triển khai, hướng dẫn thực hiện theo đúng Quy hoạch đã đặt ra để đảm bảo chất lượng môi trường vùng nuôi; tuyên truyền đến các hộ, doanh nghiệp nuôi trồng thủy sản có ý thức bảo vệ môi trường biển.

1.4.2. Ô nhiễm do rác thải sinh hoạt

Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế xã hội, tình trạng ô nhiễm môi trường do rác thải sinh hoạt càng trở nên phổ biến, tại các khu đô thị, thành phố, nông thôn. Rác thải sinh hoạt không được xử lý kịp thời gây ảnh hưởng đến cảnh

quan, nguồn nước mặt, nước ngầm, môi trường đất...gây tác hại đến sức khỏe cộng đồng. Các bãi chôn lấp rác hợp vệ sinh trên địa bàn tỉnh như Bãi rác Lương Hòa, Bãi rác Hòn Rọ, Bãi rác Cam Thịnh Đông-Cam Ranh ... đã hoạt động phát huy hiệu quả. Tuy nhiên việc lựa chọn các công nghệ khác, phù hợp để xử lý rác sinh hoạt còn lúng túng và vướng mắc do chi phí xử lý vượt quá khả năng cân đối của các địa phương.

1.4.3. Ô nhiễm do nước thải sinh hoạt tại các Khu đô thị, Khu dân cư tập trung:

Nước thải sinh hoạt tại một số khu đô thị, khu dân cư tập trung ven biển tại thành phố Nha Trang, thành phố Cam Ranh, thị xã Ninh Hòa,... vẫn còn tình trạng nước thải sinh hoạt từ các hộ dân, các cơ sở kinh doanh dịch vụ chưa qua xử lý hoặc xử lý chưa đạt quy chuẩn quy chuẩn xả ra biển gây ô nhiễm vùng ven biển và ảnh hưởng đến các hoạt động du lịch của thành phố.

Trong năm 2018, tình trạng xả nước thải tại các cửa xả ven biển dọc đường Phạm Văn Đồng đoạn từ Hòn Đỏ đến Hòn Một. Khu vực đường Phạm Văn Đồng với chiều dài hơn 3km nhưng có 4 cống nước thải trong đó có 2 cống vẫn còn hoạt động xả thải trực tiếp ra biển đó là cống nước thải khu vực Hòn Một và cống nước thải khu vực Hòn Đỏ. Cống Đặng Tất dù đã được UBND thành phố Nha Trang đầu tư, thu gom, tuy nhiên trong năm 2018 cũng đã xảy ra các sự cố nước thải tràn ra biển gây phản cảm trên các phương tiện thông tin truyền thông đại chúng.

1.4.3. Ô nhiễm môi trường của các cơ sở sản xuất trong khu dân cư thuộc đối tượng di dời:

- Các cơ sở sản xuất gạch, ngói thủ công:

+ Theo Quyết định số 567/QĐ-TTg ngày 28/4/2010 và Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 16/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ thì các đối tượng này không được hỗ trợ di dời mà phải dừng hoạt động. UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 22/2013/CT-UBND ngày 23/12/2013 về lộ trình chấm dứt hoạt động sản xuất gạch đất sét nung bằng lò thủ công, thủ công cải tiến và lò đứng liên tục; tăng cường sử dụng và phát triển vật liệu xây dựng không nung trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

+ Hiện nay, trên địa bàn thị xã Ninh Hòa có 54 cơ sở sản xuất gạch đất sét nung bằng thủ công cần tháo dỡ, chấm dứt hoạt động theo lộ trình và kinh phí tháo dỡ được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2109/QĐ-UBND ngày 21/7/2016 về việc phê duyệt Đề án phát triển vật liệu xây không nung trên địa bàn tỉnh.

+ Các cơ sở sản xuất gạch ngói thủ công sử dụng công nghệ lạc hậu đã gây ô nhiễm môi trường (đặc biệt là khí thải), ngoài ra còn sử dụng nguyên liệu đất trái phép ảnh hưởng trong việc quản lý nhà nước về môi trường, đất đai, xây dựng... cần phải sớm đổi mới công nghệ, di dời vào CCN. Tuy nhiên, theo quy hoạch CCN Ninh Xuân đến nay vẫn chưa được đầu tư, do gặp khó khăn nguồn vốn, quy hoạch đô thị.

- Các cơ sở xây xát gạo tại huyện Diên Khánh (08 cơ sở) hiện nay chưa được

di dời vào KCN, CCN phụ cận do nguồn kinh phí lớn, người dân chưa có điều kiện để thực hiện di dời.

- Các cơ sở giết mổ gia súc gia cầm trên địa bàn tỉnh:

+ Tại thành phố Nha Trang: UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 3485/QĐ-UBND ngày 16/11/2016 phê duyệt danh sách các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm trên địa bàn thành phố Nha Trang di dời vào khu giết mổ gia súc gia cầm tập trung xã Phước Đồng, thành phố Nha Trang. Thời hạn các cơ sở thực hiện việc di dời đến hết ngày 31/12/2017. Tuy nhiên, đến nay việc đầu tư khu giết mổ tập trung chưa xác định được vị trí phù hợp theo Quy chuẩn của Bộ Nông nghiệp và PTNT nên gặp khó khăn trong di dời.

+ Tại các huyện, thị xã, thành phố khác: theo “Quy hoạch chi tiết các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2016 - 2025”, giai đoạn 2016-2020, UBND tỉnh sẽ xem xét, quy hoạch các vị trí tại thị trấn Cam Đức (huyện Cam Lâm), xã Suối Hiệp (huyện Diên Khánh) và xã Vạn Phú (huyện Vạn Ninh) để di dời các cơ sở giết mổ.

- Các cơ sở chế biến thủy sản và cơ sở chế biến nước mắm, chủ yếu tại thành phố Nha Trang: từ năm 2016, UBND tỉnh đã có công văn số 9267/UBND-KT ngày 18/11/2016 giao Sở TNMT phối hợp với các đơn vị có liên quan xác định vị trí phù hợp để di dời trong giai đoạn 2017-2020. Việc di dời các cơ sở chế biến nước mắm còn gặp khó khăn do hoạt động sản xuất nước mắm phát sinh mùi đặc trưng ảnh hưởng đến khu vực xung quanh, cần phải có khoảng cách ly phù hợp khi bố trí vị trí sản xuất do đó Sở Tài nguyên và Môi trường đang tiến hành lựa chọn vị trí phù hợp để điều chỉnh, bổ sung quy hoạch sử dụng đất để kêu gọi các hình thức đầu tư phù hợp, hiệu quả.

2. Tình hình, kết quả thực hiện công tác bảo vệ môi trường

2.1. Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước và nguồn lực bảo vệ môi trường

a. Nguồn nhân lực

- Ở cấp tỉnh: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa hiện có số lượng cán bộ, công chức, viên chức và nhân viên trong toàn Sở tổng cộng là 610 người; trong đó có 02 người đang nghiên cứu sinh, 32 người có trình độ Thạc sĩ và 412 người có trình độ đại học, số còn lại có trình độ cao đẳng và trung cấp. Ngoài ra, các Sở, Ngành khác trực thuộc tỉnh có bố trí từ 01 – 03 biên chế thực hiện các công việc liên quan đến lĩnh vực môi trường như Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương,...

- Ở cấp huyện: mỗi Phòng Tài nguyên và Môi trường đều biên chế từ 02 đến 04 công chức làm công tác quản lý môi trường và kiêm nhiệm một số công tác khác có liên quan, thành phố Nha Trang có thành lập Tổ Môi trường.

- Cấp xã phường: Cán bộ địa chính kiêm nhiệm công tác quản lý môi trường.

- Tại Ban Quản lý Khu Kinh tế Vân Phong: Theo hướng dẫn tại Thông tư liên

tịch số 06/2015/TTLT-BKHĐT-BNV ngày 03/9/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Nội vụ, BQL KKT Vân Phong đã thành lập Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường với 05 biên chế.

- Phòng Cảnh sát môi trường thuộc Công an tỉnh được thành lập theo Quyết định số 1081/2007/QĐ-BCA ngày 17/9/2007 của Bộ trưởng Bộ Công an, bắt đầu hoạt động từ 01/2008, hiện tại có 50 biên chế.

- Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường được thành lập theo Quyết định số 08/QĐ-UB ngày 05/01/2007 của UBND tỉnh, bắt đầu hoạt động từ tháng 3/2007; với chức năng điều tra, quan trắc tài nguyên và môi trường phục vụ cho hoạt động quản lý và thực hiện các hoạt động dịch vụ. Trung tâm hiện có 40 cán bộ, nhân viên.

- Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Khánh Hoà được thành lập theo Quyết định 2779/QĐ-UBND ngày 04/11/2013 của UBND tỉnh. Bắt đầu đi vào hoạt động tháng 01/2015, có trụ sở tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

b. Nguồn tài chính

Hàng năm, UBND tỉnh đã bố trí nguồn chi ngân sách tỉnh cho công tác bảo vệ môi trường đảm bảo không dưới 1% tổng chi ngân sách nhà nước (NSNN) và tăng dần tỷ lệ này theo tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh; cụ thể: năm 2018 chi sự nghiệp môi trường 165.352 triệu đồng (chiếm 2,6 % tổng chi NSNN). Trong đó, tổng chi ngân sách sự nghiệp môi trường cấp tỉnh là 12.600 triệu đồng phục vụ công tác truyền thông phổ biến các văn bản quy định của pháp luật, thực hiện các nhiệm vụ về quan trắc môi trường, hỗ trợ xử lý ô nhiễm, công tác quản lý chất thải ... đã góp phần quan trọng trong công tác bảo vệ môi trường của tỉnh.

Bảng 4. Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường tỉnh Khánh Hòa

ĐVT: triệu đồng

Năm	Chi NSNN tỉnh	Chi SNMT	Tỷ lệ % (chi SNMT/chi NSNN)
2017	6.067.933	156.352	2,6
2018	6.067.933	156.352	2,6

(Nguồn: Sở Tài chính)

c. Hạ tầng kỹ thuật, máy móc, trang thiết bị bảo vệ môi trường

UBND tỉnh đã đầu tư máy móc thiết bị thực hiện nhiệm vụ quan trắc giai đoạn 2009 – 2011 cho Trung tâm quan trắc Tài nguyên và Môi trường trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường. Đến nay một số thiết bị vẫn đang sử dụng bình thường, một số máy móc thiết bị đã hư hỏng, cần được thay thế. Mặt khác, theo quy định mới về quy trình kỹ thuật quan trắc và phân tích mẫu môi trường do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành, một số thiết bị chuyên dụng phục vụ cho công tác chuyên môn (như máy lấy

mẫu nước phân tầng, máy đo khí thải theo phương pháp đẳng động lực, máy đo các hợp chất hữu cơ,...) hiện vẫn chưa được đầu tư.

Hiện nay UBND tỉnh đã cho phép thực hiện việc điều chỉnh mạng lưới quan trắc toàn tỉnh đến năm 2010 và định hướng đến 2030; trong đó chủ trương xã hội hóa các trạm quan trắc tự động (các trạm quan trắc không khí và quan trắc môi trường nước tự động) do đó việc lập đề án “nâng cao năng lực quan trắc tài nguyên và môi trường giai đoạn 2020” cũng cần điều chỉnh để phù hợp.

Về năng lực phòng thí nghiệm của Trung tâm Quan trắc nhìn chung bảo đảm chất lượng, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao, thể hiện qua các chương trình thử nghiệm liên phòng do Trung tâm Quan trắc môi trường Quốc gia (CEM) tổ chức từ năm 2012 đến nay, các kết quả phân tích của Trung tâm đều đạt và được công nhận. Công tác QA/QC trong lấy mẫu và phân tích thí nghiệm được duy trì thường xuyên (bắt đầu từ năm 2009). Phòng thí nghiệm của Trung tâm đã được chứng nhận ISO 17025:2005, Trung tâm cũng là đơn vị đầu tiên trong tỉnh Khánh Hòa được Bộ TNMT cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc theo Nghị định 127/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ.

Ngoài ra trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa hiện còn 04 đơn vị được Bộ TNMT cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc theo Nghị định 127/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ.

Hoạt động quan trắc tự động cũng đã được áp dụng đối với các cơ sở có lưu lượng nước thải lớn, trên địa bàn tỉnh hiện có 05 đơn vị đã lắp đặt: Công ty CP Đường Việt Nam, Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa – Ninh Hòa, Công ty CP Khu công nghiệp Suối Dầu, Công ty CP Bia Sài Gòn - Khánh Hòa, Công ty CP Dệt may Nha Trang. Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa – Ninh Hòa, Công ty CP Đường Việt Nam. Số liệu quan trắc tự động được theo dõi liên tục qua màn hình giám sát tại Sở Tài nguyên và Môi trường. Hệ thống quan trắc khí thải tự động có 02 đơn vị đã lắp đặt: Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa – Ninh Hòa, Nhà máy Xi măng Hà Tiên (Công ty CP xi măng Hà Tiên 1).

2.2. Hoàn thiện chính sách, pháp luật, quy chuẩn về bảo vệ môi trường

Thực hiện Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách, chương trình tổng thể về bảo vệ môi trường của tỉnh; trong năm 2018, UBND tỉnh Khánh Hòa đã tăng cường công tác chỉ đạo điều hành. Một số văn chính đã được ban hành kịp thời để phục vụ công tác quản lý. Liên tục cập nhật và áp dụng các chính sách, pháp luật, quy chuẩn về bảo vệ môi trường kịp thời, đúng quy định. Các văn bản đã ban hành trong năm 2018:

- Quyết định 107/QĐ-UBND ngày 09/01/2018 về việc phê duyệt kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2018 – 2020.

- Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 22/01/2018 về việc tăng cường công tác quản

lý chất thải rắn.

- Quyết định số 1872/QĐ-UBND ngày 29/6/2018 về việc ban hành Kế hoạch kiểm soát, bảo vệ tài nguyên du lịch gắn với bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu tác động đến phát sinh du lịch tỉnh.

- Quyết định số 3080/QĐ-UBND ngày 16/10/2018 của UBND tỉnh về phê duyệt Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

- Quyết định số 3760/QĐ-UBND ngày 06/12/2018 của UBND tỉnh về giá dịch vụ hoạt động quan trắc và phân tích môi trường được đặt hàng, giao kế hoạch, sử dụng ngân sách nhà nước do Trung tâm Quan trắc tài nguyên và Môi trường Khánh Hòa cung cấp dịch vụ.

- Kế hoạch số 9096/KH-UBND ngày 06/9/2018 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Chương trình hành động số 23-CTr/TU của BCH Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2.3. Tổ chức thực hiện pháp luật, công tác quản lý và hoạt động bảo vệ môi trường

a. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức và xây dựng ý thức bảo vệ môi trường trong cộng đồng, người dân và doanh nghiệp:

Trong năm 2018, các sở ngành, địa phương, các tổ chức chính trị xã hội đã có sự phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường trong công tác tuyên truyền, phổ biến văn bản quy phạm pháp luật, nâng cao nhận thức của các tầng lớp nhân dân trong tỉnh. Cụ thể, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các Sở ban ngành, UBND các địa phương và các tổ chức, đoàn thể tổ chức nhiều hoạt động nhằm hưởng ứng “Tháng hành động vì môi trường” nhân ngày Ngày Môi trường thế giới ngày 05 tháng 6 và Chiến dịch Làm cho thế giới sạch hơn năm 2018 như phối hợp với Tỉnh đoàn Khánh Hòa, UBND thành phố Nha Trang triển khai các hoạt động ra quân làm sạch môi trường tại các bãi biển, khu vực công cộng, đăng tin, bài trên Trang thông tin điện tử, treo băng rôn khẩu hiệu tại các cơ quan, công sở, tại các tuyến đường chính tại các địa phương

Sở Tài nguyên và Môi trường cũng đã tổ chức khóa đào tạo, chuyển giao và ứng dụng phần mềm tính toán để đánh giá, xác định phạm vi, mức độ ảnh hưởng các nguồn gây ô nhiễm môi trường không khí và nước nhằm nâng cao năng lực chuyên môn cho các cán bộ công tác quản lý môi trường trên địa bàn tỉnh (cấp tỉnh và cấp huyện). Phối hợp với Tỉnh đoàn Khánh Hòa tổ chức cuộc thi “Truyền thông nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu với chủ đề “Biến đổi khí hậu và hành động của tuổi trẻ” cho đoàn viên, thanh niên tại một số cơ sở đoàn trong tỉnh. Xuất bản 06 bản tin Tài nguyên và Môi trường (02 tháng/số) cập nhật, cung cấp giải đáp các chủ

trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên, môi trường, nước và khí tượng thủy văn, đo đạc bản đồ, biển đảo....Phối hợp với Sở Du lịch tổ chức các lớp tập huấn nâng cao nghiệp vụ bảo vệ môi trường cho các tổ chức, cá nhân hoạt động du lịch và tổ chức ngày ra quân “Vì môi trường du lịch xanh, sạch, đẹp”. Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức tuyên truyền, giáo dục bảo vệ môi trường dành cho học sinh tỉnh Khánh Hòa.

Liên hiệp các Hội Khoa học kỹ thuật tỉnh cũng đã tổ chức Hội nghị tuyên truyền và phổ biến Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; Hội Nông dân tổ chức các lớp tập huấn phổ biến thông tin, kiến thức về biến đổi khí hậu, chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn và kỹ năng phân loại, xử lý rác thải tại nguồn cho cán bộ, hội viên, nông dân tiêu biểu trên địa bàn tỉnh. Hội Nạn nhân chất độc da cam tổ chức tuyên truyền về hậu quả chất độc hóa học do Mỹ sử dụng trong chiến tranh ở Việt Nam trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

b. Xây dựng hệ thống quan trắc, thực hiện các chương trình quan trắc, xây dựng cơ sở dữ liệu và báo cáo về môi trường

- Về xây dựng hệ thống quan trắc, thực hiện các chương trình quan trắc:

Chương trình quan trắc môi trường tỉnh Khánh Hòa năm 2018 được thực hiện theo Quyết định số 631/QĐ-UBND ngày 17/3/2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa v/v phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch mạng lưới quan trắc môi trường giai đoạn đến năm 2020 tại Quyết định số 378/QĐ-UBND ngày 18/02/2009 của UBND tỉnh Khánh Hòa. Số điểm và tần suất quan trắc môi trường năm 2018 như sau:

+ Môi trường không khí xung quanh và tiếng ồn: 15 vị trí quan trắc định kỳ, 1 lần/tháng và 2 trạm quan trắc tự động (tần suất 5 phút/lần, liên tục 24/24 giờ).

+ Môi trường nước mặt: 19 vị trí, tần suất quan trắc 01 tháng/lần.

+ Môi trường nước dưới đất: 13 vị trí, tần suất quan trắc 01 lần/quý.

+ Môi trường nước biển: 18 vị trí, tần suất quan trắc 1 tháng/lần cho 15 vị trí và 6 – 8 lần/năm cho 3 vị trí (Hòn Gầm, Vũng Trâu Năm và Nhà máy đường Khánh Hòa).

- Tình hình xây dựng cơ sở dữ liệu quan trắc môi trường:

+ Dữ liệu quan trắc của trạm không khí tự động tại Làng trẻ SOS được truyền liên tục về Trung tâm Quan trắc môi trường thuộc Tổng cục Môi trường và được theo dõi, xử lý để xây dựng báo cáo định kỳ hàng tháng.

+ Các số liệu quan trắc theo mạng lưới quan trắc của tỉnh định kỳ được nhập, lưu giữ tại Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường trên phần mềm Excel trong máy tính, đĩa, ổ cứng di động; đồng thời được lưu giữ và cập nhật hàng năm vào hệ thống dữ liệu tài nguyên môi trường do Trung tâm Công nghệ thông tin quản lý (đơn vị trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường). Số liệu được sao lưu thường xuyên, bảo đảm an toàn.

- Báo cáo quan trắc môi trường:

+ Trên cơ sở số liệu quan trắc thu được, năm 2018 đã thực hiện các báo cáo kết quả quan trắc định kỳ hàng tháng, năm của 2 trạm không khí tự động, báo cáo (tổng hợp) kết quả quan trắc môi trường, báo cáo nhanh kết quả phân tích, thông báo thông tin môi trường hàng tháng.

+ Các báo cáo quan trắc, thông tin môi trường đều được thực hiện theo Thông tư số 43/2015/TT- BTNMT ngày 29/9/2015 của Bộ tài nguyên và Môi trường và được gửi đến Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh, các sở ngành liên quan phục vụ kịp thời cho công tác quản lý.

+ Thông tin quan trắc môi trường được cập nhật định kỳ hàng tháng trên bảng tin điện tử đặt tại Sở, Bản tin Tài nguyên và Môi trường và hệ thống thông tin phục vụ lãnh đạo và cộng đồng (trên web) phục vụ kịp thời cho lãnh đạo Sở, các đơn vị và cộng đồng quan tâm, theo dõi.

- Hoạt động quan trắc tự động cũng đã được áp dụng đối với các cơ sở có lưu lượng nước thải lớn, trên địa bàn tỉnh hiện có 05 đơn vị đã lắp đặt: Công ty CP Đường Việt Nam, Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa – Ninh Hòa, Công ty CP Khu công nghiệp Suối Dầu, Công ty CP Bia Sài Gòn - Khánh Hòa, Công ty CP Dệt may Nha Trang. Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa – Ninh Hòa, Công ty CP Đường Việt Nam. Số liệu quan trắc tự động được theo dõi liên tục qua màn hình giám sát tại Sở Tài nguyên và Môi trường. Hệ thống quan trắc khí thải tự động có 02 đơn vị đã lắp đặt: Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa – Ninh Hòa, Nhà máy Xi măng Hà Tiên (Công ty CP xi măng Hà Tiên 1). Việc trang bị cơ sở hạ tầng kỹ thuật để tiếp nhận số liệu quan trắc tự động và hình ảnh camera giám sát đối với các cơ sở thuộc đối tượng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2018 của Chính phủ đã được UBND tỉnh quan tâm đầu tư từ năm 2016 và giao Sở Tài nguyên và Môi trường vận hành, theo dõi và quản lý. Hệ thống tiếp nhận, quản lý kết quả quan trắc tự động đã đi vào vận hành ổn định, giúp Sở kịp thời có văn bản nhắc nhở các cơ sở thực hiện việc giám sát chất lượng môi trường, có biện pháp xử lý đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật môi trường quốc gia khi có các sự cố xảy ra. Mặt khác, nhằm đáp ứng đúng quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định kỹ thuật quan trắc môi trường trong đó quy định cụ thể về yêu cầu kỹ thuật, công trình phụ trợ của hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động tại Thông tư 24/2017/TT-BTNM ngày 01/9/2017; năm 2018, UBND tỉnh Khánh Hòa tiếp tục giao Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai thực nhiệm vụ “Hoàn thiện hệ thống tiếp nhận số liệu quan trắc tự động liên tục trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa” để chuẩn bị cơ sở hạ tầng và nâng cao năng lực để đồng bộ và kết nối số liệu quan trắc về Bộ Tài nguyên và Môi trường, nhiệm vụ được thực hiện trong 02 năm 2018 – 2019.

- Ngoài ra, thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh về việc tăng cường công tác giám sát môi trường tại khu vực Bãi rác Hòn Rọ và Nhà máy xử lý chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại trên địa bàn thị xã Ninh Hòa, Sở Tài nguyên và Môi trường

đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai xây dựng và thực hiện giám sát chất lượng nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước rỉ rác và không khí xung quanh tại khu vực dân cư cách bãi rác 800m về phía Đông với tần suất 02 lần/tháng tại Bãi rác Hòn Rọ. Đối với Nhà máy xử lý chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại, tiến hành giám sát chất lượng nước thải và khí thải với tần suất 02 lần/tháng. Kết quả giám sát chất lượng môi trường tại 02 khu vực này cụ thể như sau:

+ Đối với Bãi rác Hòn Rọ - Công ty Cổ phần Đô thị Ninh Hòa: chất lượng môi trường không khí xung quanh tại khu vực dân cư cách bãi rác 800m về phía Đông luôn ổn định trong các lần quan trắc, các thông số ô nhiễm đều đạt quy chuẩn; chất lượng nước thải sau xử lý của hệ thống nước rỉ rác có các thông số ô nhiễm trong các lần lấy mẫu đều đạt quy chuẩn cho phép, trừ thông số BOD5 trong 10 lần lấy mẫu có giá trị vượt quy chuẩn nhưng không đáng kể từ 1,44 đến 2,5 lần. Sở Tài nguyên và Môi trường đã kịp thời thông báo chất lượng môi trường Bãi rác Hòn Rọ và nhắc nhở Công ty Cổ phần Đô thị Ninh Hòa thực hiện các biện pháp khắc phục ô nhiễm, nước thải phải đảm bảo xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo quy định.

+ Đối với Nhà máy xử lý chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại – Công ty Cổ phần Môi trường Khánh Hòa: các kết quả quan trắc, phân tích môi trường đối với khí thải lò đốt chất thải, nước thải sau xử lý đều đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường Quốc gia theo quy định.

c. Tổ chức thực hiện các quy định, cơ chế, công cụ, biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các nguồn gây ô nhiễm, tác động xấu lên môi trường

- Công tác thẩm định và phê duyệt báo cáo ĐTM tại địa phương được thực hiện nghiêm túc theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Năm 2018, UBND tỉnh Khánh Hòa đã phê duyệt 78 hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM); Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong thẩm định và phê duyệt 13 hồ sơ báo cáo ĐTM; Xác nhận phê duyệt 27 hồ sơ Đề án Bảo vệ Môi trường chi tiết, Sở TNMT đã trả 18 hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định tại Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Các dự án có sử dụng diện tích đất lớn, giải tỏa đền bù ảnh hưởng đến nhiều hộ dân, tác động đến nước ngầm, đa dạng sinh học tại khu vực, dự án làm mất rừng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng, chuyển đổi mục đích đất trồng lúa... đều lấy ý kiến tư vấn phản biện và giám định xã hội của Liên hiệp các Hội KHKT tỉnh Khánh Hòa trước khi thẩm định báo cáo ĐTM theo Chỉ thị 15/CT-CTUBND ngày 04/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về tăng cường hoạt động tư vấn phản biện và giám định xã hội của Liên hiệp các Hội KHKT tỉnh Khánh Hòa. Công tác thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM được thực hiện theo Quy trình ISO 9001:2008 và phần mềm “Một cửa hành chính công” tỉnh Khánh Hòa; trong năm 2018, không có hồ sơ đã giải quyết bị trễ hạn.

- Năm 2018, tỉnh Khánh Hòa đã xác nhận 329 Kế hoạch bảo vệ môi trường (Sở Tài nguyên và Môi trường: 3; BQL KKT Vân Phong: 09; các huyện: 317); Xác nhận 80 Đề án Bảo vệ Môi trường đơn giản thuộc cấp huyện.

- Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiến hành kiểm tra 29 dự án sau khi báo cáo ĐTM được UBND tỉnh phê duyệt; kiểm tra để xác nhận công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của 07 dự án. Tham gia phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra công tác bảo vệ môi trường cho 25 dự án.

- Công tác kiểm tra việc chấp hành pháp luật và giải quyết đơn thư kiến nghị cử tri về BVMT: Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiến hành kiểm tra công tác bảo vệ môi trường, trả lời kiến nghị cử tri, đơn thư của công dân,... 74 dự án, cơ sở sản xuất kinh doanh. Thực hiện lấy mẫu phân loại theo Thông tư 04/2012/TT-BTNMT 73 cơ sở. Tiến hành thanh tra 04 cơ sở. Phối hợp với Tổng cục Môi trường thanh tra **01** cơ sở.

+ Phòng cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường – Công an tỉnh Khánh Hòa đã tiến hành kiểm tra **111** vụ; công án các địa phương: **483** vụ.

+ Công tác xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường: Sở Tài nguyên và Môi trường: xử phạt 15 cơ sở với số tiền **1.276.000.000 đồng**; Công an tỉnh Khánh Hòa: xử phạt 39 vụ với số tiền **909.500.000 đồng**; Công an các địa phương: xử phạt 472 vụ với số tiền **1.166.150.000 đồng**.

- Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh Khánh Hòa, Sở TNMT đã phối hợp với UBND thành phố Nha Trang và các Sở, ban, ngành tiếp tục rà soát các cơ sở gây ô nhiễm môi trường trong khu đô thị, khu dân cư, khuyến khích đầu tư cơ sở hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, khu vực ngành nghề tập trung trên địa bàn tỉnh để tiếp nhận các cơ sở gây ô nhiễm môi trường phải di dời.

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra các khu vực có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, các KCN, CCN đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung, vận hành đúng quy định, phải lắp đặt trạm quan trắc nước thải tự động, có phương án thu gom chất thải rắn đúng quy định. Các cơ sở sản xuất nằm ngoài KCN, CCN phải có phương án thu gom xử lý chất thải (nước thải, khí thải, chất thải rắn) theo đúng quy chuẩn, quy định.

- Kiểm soát môi trường các khu vực tập trung nhiều nguồn gây ô nhiễm môi trường:

+ Tiếp tục rà soát các cơ sở gây ô nhiễm môi trường trong khu đô thị, khu dân cư, khuyến khích đầu tư cơ sở hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, khu vực ngành nghề tập trung trên địa bàn tỉnh để tiếp nhận các cơ sở gây ô nhiễm môi trường phải di dời.

+ Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra các khu vực có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, các KCN, CCN đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung, vận hành đúng quy định, phải lắp đặt trạm quan trắc nước thải tự động, có phương án thu gom chất thải rắn đúng quy định. Các cơ sở sản xuất nằm ngoài KCN, CCN phải có phương án thu gom xử lý chất thải (nước thải, khí thải, chất thải rắn) theo đúng quy chuẩn, quy định.

d. Tổ chức thực hiện các chương trình, dự án, hoạt động bảo vệ môi trường

- Các chương trình, dự án về trồng rừng, phục hồi, tái sinh rừng: thực hiện Quyết định số 886/QĐ-TTg ngày 16/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016 - 2020 và văn bản của các Bộ ngành liên quan, UBND tỉnh đã phê duyệt các Dự án đầu tư bảo vệ và phát triển rừng, Dự án hỗ trợ trồng rừng sản xuất giai đoạn 2016-2020 cho các địa phương, đơn vị trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện. Giai đoạn 2016-2020, trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa có 15 dự án thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững.

- Chương trình bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học: tính đến thời điểm hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 02 khu bảo tồn: Khu bảo tồn biển vịnh Nha Trang và khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà (huyện Khánh Vĩnh). Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh còn có Khu bảo vệ hệ sinh thái biển Rạn Trào do địa phương quản lý (xã Vạn Hưng, huyện Vạn Ninh).

+ Khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà: Ban quản lý Khu Bảo tồn đang triển khai thực hiện “Dự án quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững Khu BTTN Hòn Bà đến năm 2020” được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt tại Quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 10/01/2014 với mục tiêu, nhiệm vụ, các hạng mục đầu tư làm cơ sở để xây dựng các dự án đầu tư đến năm 2020, đáp ứng với công tác bảo tồn thiên nhiên, nghiên cứu khoa học, du lịch sinh thái, phát triển kinh tế xã hội vùng đệm trong tương lai.

+ Khu bảo tồn biển Hòn Mun (vịnh Nha Trang) được thành lập theo Quyết định số 2471/2001/QĐ-UB của UBND tỉnh Khánh Hòa. Đến năm 2005 có tên là KBT biển Vịnh Nha Trang theo Quyết định số 702/QĐUBND ngày 17/3/2005, thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh. Đến năm 2001 thuộc thẩm quyền quản lý của UBND thành phố Nha Trang tại quyết định số 2259/QĐ-UBND ngày 11/9/2011 về việc thành lập Ban quản lý vịnh Nha Trang có chức năng giúp UBND thành phố Nha Trang khai thác các giá trị của vịnh trên cơ sở bảo tồn danh lam thắng cảnh và hệ sinh thái đa dạng của vịnh Nha Trang. Ban Quản lý đã tổ chức nhiều hoạt động bảo vệ như thành lập Đội tuần tra chuyên nghiệp, tổ lặn chuyên nghiệp, trang bị các loại phao giới hạn, phao neo tàu thuyền nhằm tránh các ảnh hưởng đến các rạn san hô. Ngoài ra, tổ chức nhiều đợt tuyên truyền về bảo vệ môi trường, cảnh quan vịnh. Đã tổ chức trồng trên 5 ha rừng ngập mặn tại Đầm Báy và bắt hàng nghìn con sao biển gai nhằm góp phần cân bằng hệ sinh thái, bảo vệ đa dạng sinh học. Phối hợp với chuyên gia của Hợp phần sinh kế bền vững bên trong và xung quanh các khu bảo tồn biển, Viện Hải dương học tổ chức đánh giá đa dạng sinh học, khảo sát chất lượng nước trong KBTB và khảo sát tình hình kinh tế - xã hội của các hộ dân sống bên trong. Kết quả được đánh giá môi trường biển vịnh Nha Trang dần được sạch hơn, hệ sinh thái rạn san hô, thảm cỏ biển và rừng ngập mặn có dấu hiệu phục hồi và phát triển.

+ Khu Bảo tồn biển Rạn Trào: Khu Bảo vệ biển Rạn Trào được UBND huyện

Vạn Ninh và Liên minh Sinh vật biển quốc tế (IMA) thành lập năm 2001 (Quyết định công nhận năm 2008) với tổng diện tích 54 ha, trong đó vùng lõi rộng 25 ha có mật độ san hô dày đặc. Khu bảo tồn biển Rạn Trào là vùng biển có tính đa dạng sinh học cao với 82 loài san hô, 69 loài cá rạn và nhiều loài sinh vật biển có giá trị như: tu hài, ốc nháy, cá ngựa, hải sâm, cỏ biển... Ngay sau khi thành lập, UBND huyện Vạn Ninh đã phối hợp cùng nhiều tổ chức quốc tế, các đơn vị nghiên cứu hải dương và các ban, ngành trong và ngoài huyện triển khai xây dựng Khu bảo vệ biển Rạn Trào. Một trong những mục tiêu hàng đầu là công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân; tổ chức các hoạt động làm sạch bãi biển, lắp đặt pa nô tuyên truyền tại các thôn trên địa bàn xã Vạn Hưng để nâng cao nhận thức người dân. Bên cạnh đó, Khu Bảo vệ biển Rạn Trào còn xây dựng tổ quản lý bảo vệ (được bồi dưỡng 500.000 đ/người/tháng) hoạt động 24/24 giờ nhằm tuyên truyền, ngăn chặn người dân đánh bắt, nuôi trồng trong khu vực.

+ Ngoài ra, theo Quyết định số 742/QĐ-TTg ngày 26/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch hệ thống khu bảo tồn biển Việt Nam đến năm 2020; tỉnh Khánh Hòa có KBTB Nam Yết thuộc huyện Trường, đây là khu bảo tồn tổng diện tích lớn nhất với tổng diện tích 35.000 ha, trong đó diện tích biển 20.000 ha và toàn bộ diện tích đảo rạn san hô Nam Yết 15.000 ha. Tuy nhiên, đến nay KBTB Nam Yết vẫn chưa được phê duyệt thành lập.

+ Trên địa bàn tỉnh còn có 01 cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học là Trung tâm cứu hộ và bảo tồn các loài thủy sinh hoang dã trực thuộc Công ty Cổ phần Vinpearlland. Tổng diện tích cơ sở bảo tồn là 2,7 ha tại Đảo Hòn Tre, Phường Vĩnh Nguyên, thành phố Nha Trang. Đây là cơ sở nuôi, trồng các loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ; cơ sở cứu hộ loài hoang dã. Cơ sở được UBND tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học số 343/QĐ-UBND-GCN ngày 07/02/2017.

+ Trong năm 2018, tỉnh Khánh Hòa giao Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai thực hiện nhiệm vụ “Điều tra, xác định các loài thực vật có ích tại tỉnh Khánh Hòa và đề xuất các biện pháp bảo tồn, phát triển bền vững” với mục tiêu xác định và lập danh mục nhóm loài thực vật cho lâm sản ngoài gỗ, bổ sung cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học rừng tỉnh Khánh Hòa và đề xuất các giải pháp quản lý, sử dụng và phát triển bền vững nguồn tài nguyên này.

- Chương trình cung cấp nước sạch nông thôn và vệ sinh môi trường: đến hết năm 2017, tỷ lệ số dân nông thôn của tỉnh được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 94%; trong đó, tỷ lệ sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia là khoảng 40%.

+ Năm 2018, toàn tỉnh phấn đấu có tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 94,5%.

+ Mục tiêu phấn đấu của tỉnh đến hết năm 2025: 100% dân số nông thôn được

sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh, trong đó 70% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch đã qua xử lý (đạt QCVN 02:2009 - Bộ Y tế). Đây là một nhiệm vụ quan trọng và cấp bách thể hiện quyết tâm rất lớn của các cấp lãnh đạo tỉnh trước lợi ích nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân tại các vùng nông thôn trên địa bàn tỉnh.

- Chương trình ứng phó biến đổi khí hậu: Ban hành Kế hoạch kiểm soát, bảo vệ tài nguyên du lịch gắn với bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu tác động đến phát triển du lịch tỉnh Khánh Hòa. Triển khai công tác chuẩn bị thực hiện dự án “Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM)”.

e. Tình hình thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường quy định tại khoản 1 Điều 143 và trong các điều, khoản khác của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành:

Hiện nay, tỉnh Khánh Hòa tổ chức nhiều chương trình truyền thông, phổ biến, giáo dục chính sách và pháp luật về bảo vệ môi trường, tổ chức các khoá tập huấn ngắn hạn, dài hạn bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường các cấp.

Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát về bảo vệ môi trường, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về bảo vệ môi trường.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng trong chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Nâng cao vai trò của các tổ chức chính trị xã hội, xây dựng các mô hình tự quản về bảo vệ môi trường; các mô hình ứng dụng khoa học kỹ thuật trong hoạt động sản xuất kết hợp bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

2.4. Đánh giá chung về kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a. Những chuyển biến tích cực

Trong năm 2018, được sự quan tâm của các cấp Ủy đảng, chính quyền, công tác bảo vệ môi trường tiếp tục có nhiều chuyển biến tích cực, ý thức chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ngày một nâng cao. Nhiều chủ cơ sở đã quan tâm hơn đến việc bố trí kinh phí đầu tư đổi mới công nghệ sản xuất, đầu tư hệ thống xử lý chất thải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường. Người dân có ý thức hơn đối việc thu gom rác thải, ý thức bảo vệ môi trường dần đi vào nề nếp.

Thông qua các lớp tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ đã góp phần nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ làm công tác quản lý nhà nước.

Sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường và chính quyền địa phương trong công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý khiếu nại tố cáo liên quan đến môi trường đã có những chuyển biến tích cực. Công tác xã hội hóa đầu tư vào lĩnh vực môi trường đã được quan tâm, một số dự án đã được triển khai như: Nhà máy

xử lý chất thải nguy hại, cổ phần hóa các công ty dịch vụ công ích trong việc thu gom, xử lý rác thải đô thị...

Công tác đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường, xử lý chất thải tại các cơ sở sản xuất, du lịch trên địa bàn tỉnh cũng ngày càng được quan tâm thực hiện. Các cơ sở thuộc trường hợp phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động cũng đã tích cực triển khai thực hiện theo đúng quy định.

Công tác xã hội hóa đầu tư vào lĩnh vực xử lý chất thải tuy vẫn còn ít nhưng đã được quan tâm, một số dự án như: Nhà máy xử lý chất thải nguy hại, cổ phần hóa các công ty dịch vụ công ích trong việc thu gom, xử lý rác thải đô thị tại các huyện, thị xã, thành phố... Sở Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với các sở ngành và địa phương đề xuất, tham mưu cho UBND tỉnh ban hành các quyết định phê duyệt danh mục dự án kêu gọi vốn đầu tư ngoài ngân sách và tham mưu xây dựng các tiêu chí lựa chọn các nhà đầu tư, điều kiện để thu hút, kêu gọi đầu tư.

Hàng năm, UBND tỉnh đã bố trí nguồn chi ngân sách tỉnh cho công tác bảo vệ môi trường đảm bảo không dưới 1% tổng chi ngân sách nhà nước (NSNN) và tăng dần tỷ lệ này theo tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh phục vụ công tác truyền thông phổ biến các văn bản quy định của pháp luật, thực hiện các nhiệm vụ về quan trắc môi trường, hỗ trợ xử lý ô nhiễm, công tác quản lý chất thải ... đã góp phần quan trọng trong công tác bảo vệ môi trường của tỉnh.

Đánh giá chung: Chất lượng môi trường (không khí, nước mặt, nước biển) năm 2018 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đều nằm trong quy chuẩn cho phép. Trong năm không xảy ra các vụ việc môi trường nổi cộm, các khu vực có nguy cơ ô nhiễm cao như KCN Suối Dầu, Công ty cổ phần đường Việt Nam, Nhà máy xử lý chất thải nguy hại... đã được giám sát chặt chẽ. Đã kịp thời chủ động phòng ngừa, cảnh báo về chất lượng môi trường nước đối với vùng nuôi thủy sản khu vực Vịnh Vân Phong về hiện tượng tảo nở hoa, để người dân chủ động ứng phó.

b. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Công tác quản lý môi trường trên địa bàn tỉnh cũng vẫn còn gặp nhiều khó khăn, hạn chế, cụ thể như sau:

- Việc di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường trong các khu nội thị, thành phố, khu dân cư còn chậm so với kế hoạch di dời (ngành nghề sản xuất nước mắm chưa có địa điểm tiếp nhận; Khu giết mổ gia súc gia cầm tập trung thành phố Nha Trang và một số địa phương chưa có địa điểm phù hợp quy chuẩn của Bộ Nông nghiệp và PTNT).

- Công tác quản lý chất thải nhất là rác thải nông thôn hiện còn nhiều vướng mắc, nhiều bãi chôn lấp chất thải ở nông thôn hình thành tự phát, lộ thiên, không được xử lý, tồn đọng kéo dài gây ô nhiễm, ảnh hưởng đến chất lượng nước ngầm, chất lượng môi trường đất.

- Thành phố Nha Trang hiện nay đang có tốc độ xây dựng nhanh, việc quản lý chất thải xây dựng chưa đáp ứng, gây mất cảnh quan, ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt của người dân.

- Nước thải sinh hoạt tại một số khu đô thị, khu dân cư tập trung ven biển tại thành phố Nha Trang, thành phố Cam Ranh, thị xã Ninh Hòa,... vẫn còn tình trạng nước thải sinh hoạt từ các hộ dân, các cơ sở kinh doanh dịch vụ chưa qua xử lý hoặc xử lý chưa đạt quy chuẩn quy chuẩn xả ra biển gây ô nhiễm vùng ven biển và ảnh hưởng đến các hoạt động du lịch của thành phố gây phản cảm trên các phương tiện thông tin truyền thông đại chúng.

- Công tác kiểm tra, phát hiện xử lý vi phạm của các cấp, các ngành chức năng còn thiếu sự phối hợp, chưa cương quyết trong xử lý; việc giám sát thực hiện các kết luận sau thanh tra, kiểm tra chưa nghiêm túc, vẫn còn hiện tượng nhắc nhở nhiều lần nhưng các cơ sở không xử lý hoặc không xử lý triệt để. Ý thức chấp hành pháp luật về BVMT của một số doanh nghiệp còn yếu, một số cơ sở chưa vận hành hệ thống xử lý chất thải thường xuyên, còn mang tính đối phó. Một số nhà máy, cơ sở sản xuất vẫn còn sử dụng các công nghệ sản xuất lạc hậu, tiêu tốn tài nguyên, năng lượng; không đầu tư công nghệ sản xuất sạch hơn và ít quan tâm đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường.

- Công tác bảo tồn đa dạng sinh học còn khó khăn do nhiều nguyên nhân: chưa có cán bộ có chuyên môn sâu, chuyên trách về quản lý đa dạng sinh học, nguồn kinh phí cho các hoạt động điều tra, khảo sát, bảo tồn tương đối lớn nên kinh phí ngân sách chỉ đáp ứng được một phần. Tình trạng khai thác cạn kiệt, hủy diệt tài nguyên còn xảy ra đối với cả động vật và thực vật trên cạn và dưới nước, nhận thức về bảo tồn đa dạng sinh học của cơ quan quản lý các cấp và của cộng đồng dân cư còn hạn chế, ...

- Công tác quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng được giao quản lý rừng và đất lâm nghiệp chưa được đầu tư, trang bị theo nhu cầu thực tế. Chưa tạo được nhiều chính sách, chương trình khuyến khích, tạo động lực cho các thành phần kinh tế tích cực đầu tư phát triển đầu tư kinh doanh trồng rừng trên địa bàn tỉnh.

- Chương trình MTQG nước sạch và VSMT nông thôn kể từ năm 2016 không còn được cấp kinh phí sự nghiệp do đó việc triển khai cập nhật và công bố Bộ chỉ số theo dõi và đánh giá nước sạch và VSMT nông thôn hàng năm theo quy định tại Quyết định số 2750/QĐ-BNN-TCTL ngày 22/10/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chưa được thực hiện

- Về công tác truyền thông, tuyên truyền: các hình thức tuyên truyền về công tác BVMT còn chưa đa dạng. Sự tham gia của cộng đồng trong công tác BVMT còn mang tính hình thức, phong trào, chưa tạo thành thói quen, chuyển ý thức thành nhận thức và hành động, các mô hình cộng đồng quản lý môi trường chưa nhiều, chưa bền vững.

Nguyên nhân:

- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện Luật bảo vệ môi trường hiện còn nhiều bất cập, một số quy định vẫn còn chồng chéo; Thông tư hướng dẫn Doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc thực hiện trong thực tế. Quy định quản lý chất thải trong hoạt động xây dựng, rác sinh hoạt nông thôn...hiện do nhiều đơn vị, địa phương cùng quản lý, phân công, phân cấp quản lý vẫn còn chưa thống nhất dẫn đến việc quản lý còn nhiều bất cập. Chưa có chính sách đặc thù để khuyến khích các nguồn lực đầu tư cho hoạt động thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt nông thôn nói riêng và thu gom xử lý chất thải rắn sinh hoạt nói chung.

- Bộ máy quản lý nhà nước về môi trường đã được thành lập ở các cấp theo quy định tuy nhiên số lượng vẫn chưa đảm bảo đáp ứng với nhu cầu thực tế. Đặc biệt, tại cấp xã có công chức địa chính kiêm nhiệm môi trường tuy nhiên vẫn chú trọng nhiều cho công tác đất đai, công tác quản lý môi trường ít được chú trọng và chỉ tham gia các vụ việc môi trường khi có yêu cầu cấp trên hoặc đơn kiến nghị, khiếu nại. Hầu hết các cơ sở sản xuất kinh doanh chưa bố trí nhân viên phụ trách công tác bảo vệ môi trường, hoặc thay đổi nhân sự dẫn đến chưa cập nhật đầy đủ các văn bản, quy định về bảo vệ môi trường trong doanh nghiệp.

- Công tác phối hợp giữa các Sở, ban, ngành và địa phương để giải quyết một số vấn đề môi trường trong thời gian qua có lúc vẫn chưa được triển khai đồng bộ và chặt chẽ; việc phối hợp thực hiện chủ trương, kế hoạch di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường nằm xen kẽ trong khu dân cư ... vẫn còn nhiều vướng mắc. Hiện nay, quỹ đất tại các KCN, CCN đã hình thành trên địa bàn tỉnh đã được lấp đầy. Bên cạnh đó, các khu, cụm công nghiệp đã được phê duyệt theo quy hoạch nhưng đến nay đã chấm dứt việc thực hiện dự án hoặc chưa thực hiện đầu tư hạ tầng nên việc chưa thể tiếp nhận các cơ sở gây ô nhiễm môi trường phải di dời; kinh phí triển khai hỗ trợ việc di dời lớn.

- Về nguồn tài chính: việc chậm tiến độ thực hiện một số nhiệm vụ cũng như giải quyết một số vấn đề môi trường bức thiết trên địa bàn tỉnh chủ yếu do thiếu kinh phí thực hiện. Ngoài các nguồn vốn vay hỗ trợ đầu tư xây dựng các dự án, công trình bảo vệ môi trường, nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường (SNMT) hàng năm phân bổ cho các cấp, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh chưa đáp ứng được nhu cầu giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh. Đặc biệt, việc bố trí 1% ngân sách nhà nước chi cho sự nghiệp hoạt động bảo vệ môi trường theo quy định và vai trò của cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp huyện trong việc tham mưu phân bổ nguồn kinh phí này hàng năm chưa được thực hiện đầy đủ và đúng quy định, dẫn đến tình trạng sử dụng nguồn kinh phí SNMT chưa đúng cho các mục tiêu chi khác ở địa phương, cũng như việc mất cân đối tỷ lệ % chi cho các nhiệm vụ định hướng ưu tiên cho lĩnh vực bảo vệ môi trường. Trong khi đó, nguồn vốn sự nghiệp lâm nghiệp từ nguồn ngân sách tỉnh đầu tư cho công tác bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy

rừng cho lực lượng Kiểm lâm, các đơn vị chủ rừng chưa đảm bảo kinh phí theo nhu cầu trong bối cảnh diện tích rừng có nguy cơ cháy cao đang tăng lên. Mặc dù hiện nay công tác xã hội hóa kêu gọi các nguồn lực từ cộng đồng vào công tác bảo vệ môi trường đang được chú trọng triển khai, tuy nhiên so với tiềm năng hiện có thì nguồn lực này vẫn chưa được huy động một cách sâu rộng đồng thời cơ chế xã hội hóa chưa được quy định rõ ràng, dẫn đến lúng túng trong quá trình kêu gọi các nhà đầu tư trong lĩnh vực công.

3. Phương hướng và giải pháp bảo vệ môi trường

3.1. Định hướng

Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch Bảo vệ môi trường tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2018-2020 đã được phê duyệt theo Quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 15/9/2018 và Kế hoạch hành động bảo tồn đa dạng sinh học, an toàn sinh học đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa theo các Quyết định số 156/QĐ-UBND ngày 22/01/2010 và Quyết định số 1911/QĐ-UBND ngày 04/7/2016 với các mục tiêu chính như sau:

- Chủ động phòng ngừa, hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, suy thoái môi trường. Chủ động phòng ngừa sự cố môi trường do hoạt động của con người và tác động tự nhiên gây ra, từng bước khắc phục, cải thiện và nâng cao chất lượng môi trường.

- Sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên. Phát triển kinh tế xã hội gắn liền với bảo vệ môi trường theo hướng phát triển bền vững, từng bước hướng đến nền kinh tế xanh, thực hiện tăng trưởng xanh.

- Tăng cường năng lực quản lý môi trường; chú trọng công tác kiểm tra giám sát; xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin về chất lượng môi trường.

- Tiếp tục nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho cộng đồng dân cư. Tăng cường sự tham gia của các tổ chức chính trị xã hội trong hoạt động bảo vệ môi trường.

- Sử dụng hiệu quả nguồn vốn sự nghiệp môi trường trong hoạt động bảo vệ môi trường.

3.2. Giải pháp

- Nghiên cứu xây dựng các quy định chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư các cơ sở nghiên cứu, xử lý chất thải, bảo vệ môi trường, các dự án sản xuất kinh doanh gắn với bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học.

- Khuyến khích các cơ sở sản xuất, kinh doanh tích cực ứng dụng các công nghệ xử lý chất thải công nghiệp dân sinh, công nghệ xử lý chất thải phù hợp với khu vực nông thôn.

- Sử dụng hiệu quả nguồn vốn sự nghiệp bảo vệ môi trường để giải quyết kịp thời các vấn đề môi trường bức xúc tại địa phương. Tích cực mở rộng quan hệ hợp

tác, đề xuất các chương trình, dự án, kế hoạch về bảo vệ môi trường từ các tổ chức có nguồn viện trợ từ các tổ chức trong nước (Quỹ Bảo vệ môi trường), nước ngoài và các tổ chức phi Chính phủ; tranh thủ được công nghệ, tri thức, ... để khai thác, phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững của địa phương.

- Tăng cường công tác đào tạo, nâng cao năng lực quản lý cho cán bộ quản lý môi trường các cấp, đặc biệt công tác tham mưu giải quyết các sự cố, tranh chấp đền bù thiệt hại môi trường.

III. Đề xuất, kiến nghị

- Bộ Tài nguyên và Môi trường sớm hoàn thiện trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi bổ sung Nghị định hướng dẫn chi tiết một số điều Luật bảo vệ môi trường 2014;

- Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức các chương trình trao đổi, hướng dẫn các địa phương trong công tác kiểm soát chặt chẽ các nguồn gây ô nhiễm môi trường; Hướng dẫn thống nhất về hoạt động quan trắc tự động; Quản lý đa dạng sinh học.

IV. Số liệu báo cáo về môi trường

Số liệu báo cáo về môi trường tỉnh Khánh Hòa năm 2018 được trình bày cụ thể tại Phụ lục đính kèm cùng Báo cáo này.

Kính gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét./

Nơi nhận:

- Bộ TNMT (b/c);
- Các Sở ban ngành (VBĐT);
- UBND các huyện, thị xã, thành phố (VBĐT);
- Lưu: VT, TT. 4



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đào Công Thiên

1000
1000
1000

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bảng 1. Danh mục chi tiêu báo cáo về môi trường cấp tỉnh

(Đính kèm Báo cáo số 87 /BC-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2019 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

STT	Mã số	Tên chi tiêu	Đơn vị tính	SỐ LIỆU	Ghi chú nguồn thu cấp	SỐ LIỆU ĐIỀU TRA TỪ CÁC ĐỊA PHƯƠNG											TỔNG	
						Nha Trang	Cam Ranh	Ninh Hòa	Diên Khánh	Cam Lâm	Khánh Sơn	Khánh Vĩnh	Vạn Ninh					
	I	Hiện trạng và diễn biến các thành phần môi trường																
	1.0	Môi trường đất																
	1.1	Diện tích đất tự nhiên	Ha	513.780	TNMT	25.428,45	32.701,24	110.794,96	33.755,33	54.719,24	33.852,76	116.714	56.183,15	464.149,13				
	1.2	Diện tích đất trồng lúa, hoa màu	Ha	111.554	NN	8.818,07	7.051,49	58.186,62	13.593,61	15.798,22	1.486,06	15.278	8.617,41	128.829,48				
	1.3	Diện tích đất rừng	Ha	286.215	NN	4.448,04	5.761,33	43.058,16	8.856,32	28.382,02	21.338,01	88.261	25.487,43	225.592,31				
	1.4	Diện tích đất chưa sử dụng	Ha	77.617	TNMT	9.119,26	6.439,38		4.816,87	10.539,00	6.310,55	9.476	17.237,54	63.938,60				
	1.5	Số điểm và diện tích đất bị nhiễm độc, tồn dư dioxin, hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, các chất gây ô nhiễm	Số điểm, ha	-	TH			7,93						7,93				
	1.6	Diện tích, tỷ lệ đất nông nghiệp bị mất do chuyển đổi mục đích sử dụng đất, hoang mạc hóa	Ha	416	TNMT					6,17				10,88				
	2.0	Môi trường nước	%	0	TNMT					0,01%				0,23				
	2.1	Diện tích mặt nước, đất ngập nước (ao, hồ, kênh, mương, sông, suối)	Ha	6.272	TH	819,83	1.746,13	1.712,96	611,83	479,57	481,62	37	285,56	6.174,50				
	2.2	Diện tích mặt nước (ao, hồ, kênh, mương, sông) trong các đô thị, khu dân cư	Ha	205	TH	40,15					50,71			90,86				
	2.3	Số lượng, diện tích mặt nước ao, hồ, kênh, mương, sông trong các đô thị, khu dân cư bị ô nhiễm	Số lượng, ha	-										-				
	2.4	Số lượng khu vực ô nhiễm môi trường nước nghiêm trọng trên địa bàn	Số lượng	Không có										-				
	3.0	Môi trường không khí																
	3.1	Số lượng điểm nóng về ô nhiễm không khí	Số lượng	-	KSON									-				
	4.0	Đa dạng sinh học																
	4.1	Diện tích rừng	Ha	240.501	NN	4130,52	5.761,33	52.065,10	8.856,32	28.382,02	21.338,01	41.498	25.487,43	187.518,73				
	4.2	Diện tích rừng phòng hộ, rừng đặc dụng	Ha	123.875	NN	317,52	1.321,26	26.557,26	1.285,36	17.715,54	13.744,71	40.202	17.437,63	118.581,28				

122	1.4	Số lượng quy chế, quy định về bảo vệ môi trường của Ủy ban nhân dân được ban hành	Số lượng	1	TH											1,00				2,00
123	1.5	Số lượng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường được ban hành	Số lượng	-	TH															-
124	1.6	Số lượng hương ước, quy ước, quy chế về bảo vệ môi trường của cộng đồng được ban hành	Số lượng	15	TH				8,00											23,00
125	2.0	Thực hiện cơ chế, công cụ, biện pháp quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường																		-
125	2.1	Số lượng, tỷ lệ dự án chiến lược, quy hoạch, kế hoạch được phê duyệt báo cáo đánh giá môi trường chiến lược	Số lượng, %	-	TH				180,00	7										187,00
126	2.2	Số lượng, tỷ lệ dự án đầu tư được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường	Số lượng, %	64	TH					2										2,00
127	2.3	Số lượng dự án đầu tư được nhận kế hoạch báo vệ môi trường (cam kết báo vệ môi trường, giấy đăng ký đạt tiêu chuẩn bảo vệ môi trường trước đây)	Số lượng	3	TH		54,00	19,00				15,00	4,00	10,00				219,00		321,00
128	2.4	Số lượng và tỷ lệ dự án đầu tư được xác nhận hoàn thành công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Số lượng, %	2	TH													25; 100		-
129	2.5	Số lượng và tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết	Số lượng, %	30	TH															-
130	2.6	Số lượng và tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản	Số lượng, %	-	TH		25,00	9,00				15,00	4,00	1,00						54,00
131	2.7	Số lượng và tỷ lệ dự án khai thác khoáng sản được phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường	Số lượng, %	6	TH															-
132	2.8	Số lượng và tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được thanh tra về bảo vệ môi trường	Số lượng, %	433	TNMT + CAT															-
133	2.9	Số lượng và tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ bị xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường	Số lượng, %	396	TNMT + CAT															1,00

134	2.10	Tổng số tiền xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường	Triệu đồng	2.202	TNMT + CAT		450,00													450,00
135	2.11	Số lượng, tỷ lệ vụ việc khiếu kiện về bảo vệ môi trường được giải quyết	Số lượng, %	46	KSON															-
136	2.12	Số vụ bị xử lý hình sự về bảo vệ môi trường	Số vụ	1	CAT															-
137	2.13	Số vụ vi phạm pháp luật liên quan đến công tác bảo tồn các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	Số vụ	-	NN															-
138	2.14	Tỷ lệ đất cho bảo tồn đa dạng sinh học trên diện tích đất tự nhiên	%	4	NN															-
139	2.15	Tỷ lệ đất cho bảo tồn đa dạng sinh học trên diện tích đất lâm nghiệp	%	8	NN															-
	3.0	Kiểm soát, giảm thiểu các nguồn gây ô nhiễm môi trường																		-
	3.1	Đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung																		-
140	3.1.1	Số lượng và tỷ lệ đô thị (phân cấp từ 1 đến 5) có hệ thống xử lý nước thải tập trung	Số lượng, %	-	TH		14,00	1,00												15,00
141	3.1.2	Số lượng và tỷ lệ khu dân cư nông thôn có hệ thống xử lý nước thải tập trung	Số lượng, %	-	TH		73,70%	100%												-
142	3.1.3	Tỷ lệ nước thải sinh hoạt đô thị được xử lý đạt quy chuẩn môi trường	%	-	TH		4,74	-												4,74
143	3.1.4	Tỷ lệ nước thải sinh hoạt khu dân cư nông thôn được xử lý đạt quy chuẩn môi trường	%	-	TH			-												-
144	3.1.5	Tỷ lệ hộ gia đình đô thị phân loại rác thải tại nguồn	%	-	TH			-												-
145	3.1.6	Tỷ lệ các khu vui chơi công cộng có phân loại rác thải tại nguồn	%	-	TH			-												-
146	3.1.7	Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn phân loại rác thải tại nguồn	%	-	TH			-												-
147	3.1.8	Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn có công trình vệ sinh đạt yêu cầu	%	-	NN		98,30	70,00												76,00
148	3.1.9	Số lượng, tỷ lệ chợ dân sinh được thu gom chất thải rắn	Số lượng, %	10 1	TH			10,00 80%												9,00 80%
	3.2	Công nghiệp																		-

189	4.6	Số lượng, tỷ lệ chất rắn sinh hoạt nông thôn được xử lý, chôn lấp hợp vệ sinh	Tấn %	14	TH		14,00	22%									11.618,00	20%	11.632,00	0,42	
190	4.7	Số lượng, tỷ lệ phường/xã có đội, hợp tác xã, tổ chức, cá nhân tham gia thu gom rác thải	Số lượng %	91	TH	12,00	3,00	22%	21,00	0,00%	19,00	100%	14,00	100%	4,00	50,00%	8,00	13,00	100%	94,00	3,72
191	4.8	Số lượng, tỷ lệ chất rắn công nghiệp thông thường được thu gom	Tấn %	2.190	TH						1,00	50%	1.825,00	100%				0%		1.826,00	1,50
192	4.9	Số lượng, tỷ lệ chất rắn công nghiệp thông thường được tái chế, tái sử dụng, hoặc thu hồi năng lượng	Tấn %		TH						-		-					0%		-	-
193	4.10	Số lượng, tỷ lệ chất rắn công nghiệp thông thường được xử lý, chôn lấp	Tấn %	-	TH						0,20		1.825,00							1.825,20	1,15
194	4.11	Số lượng, tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Số lượng %	28	KSON															-	-
195	4.12	Tổng lượng, tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom	Tấn %	5	KSON															-	-
196	4.13	Tổng lượng, tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý đạt quy chuẩn môi trường	Tấn %	-	TH															1.825,00	0,80
197	4.14	Số lượng, tỷ lệ chất thải y tế thông thường được thu gom xử lý	Tấn %	2.740	YT						0,20		18,25							912,50	930,95
198	4.15	Số lượng, tỷ lệ chất thải y tế nguy hại được thu gom xử lý	Tấn %	1	YT						0,20		100%							85,00	85,20
199	4.16	Số lượng, tỷ lệ phụ phẩm nông nghiệp thải bỏ (rơm, rạ, tro, trấu, vỏ củ quả...) được sử dụng, tái chế	Tấn %	-	TH															-	-
200	4.17	Số lượng, tỷ lệ bao bì phân bón, thuốc bảo vệ thực vật được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn môi trường	Tấn %	-	TH						2,00	85%								146,00	148,00
201	4.18	Tổng lượng và tỷ lệ nước thải chăn nuôi được sử dụng sản xuất biogas	m3/ngày %	100	TH						200,00		1.500,00							1.800,00	
202	4.19	Tổng lượng và tỷ lệ nước thải chăn nuôi được xử lý đạt quy chuẩn môi trường	m3/ngày %	-	TH						400,00	50%	1.500,00							1.900,00	

235	235	Số lượng, tỷ lệ cán bộ trên 1 triệu dân làm công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường	Số lượng, %	59	TH	2,00				2,00	2,00	2,00	2,00	2,00	2,00	12,00
236	236	Số tổ chức làm công tác dịch vụ, tư vấn về môi trường	Số lượng	14												-
237	237	Số lượt cán bộ được đào tạo, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ bảo vệ môi trường	Số lượng	3			5,00	100,00				10	15	50,00		182,00
238	2.0	Nguồn tài chính														-
238	2.1	Tổng số, tỷ lệ ngân sách nhà nước đầu tư phát triển chi cho bảo vệ môi trường	Triệu đồng, %	6.067.933	TC											-
239	2.2	Tổng số, tỷ lệ ngân sách nhà nước chi hoạt động sự nghiệp bảo vệ môi trường	Triệu đồng, %	156.352	TC			4.000,00		135,36	2.000,00	1.500,00	1.800,00	400,00		9.835,36
240	2.3	Tổng số, tỷ lệ kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ chi cho bảo vệ môi trường	Triệu đồng, %	-	TC											-
241	2.4	Tổng số, tỷ lệ kinh phí đầu tư từ xã hội cho bảo vệ môi trường	Triệu đồng, %	-	TH											-
242	2.5	Tổng số, tỷ lệ vốn ODA chi cho hoạt động bảo vệ môi trường	Triệu đồng, %	-	TH											-
243	2.6	Tổng số, tỷ lệ nguồn thu từ phí liên quan đến môi trường đầu tư trực tiếp trở lại cho bảo vệ môi trường	Triệu đồng, %	65.426	TC											-
244	2.7	Tổng nguồn vốn đầu tư xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng khu vực công ích	Triệu đồng	-	TH											-
245	2.8	Tổng kinh phí đầu tư xử lý nước thải sinh hoạt tập trung	Triệu đồng	-	TH											-
246	2.9	Tổng kinh phí đầu tư thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt	Triệu đồng	-	TH			15.984,00						5.700,00		21.684,00
247	2.10	Tổng kinh phí đầu tư khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường	Triệu đồng	7.201	TH			5.382,00								5.382,00
248	2.11	Tổng kinh phí đầu tư cho bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	Triệu đồng	500	TH											-
249	2.12	Tổng kinh phí chi cho hoạt động tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường	Triệu đồng	6.343	TH		5.140,00	570,00				80,00	379,00	20,00		6.261,10

250	2.13	Tổng kinh phí đầu tư phát triển mạng lưới quan trắc và thực hiện các chương trình quan trắc môi trường	Triệu đồng	2.647	TH														1.376,00		1.376,00	
	3.0	Hạ tầng kỹ thuật, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ bảo vệ môi trường																				-
251	3.1	Số lượng các trạm quan trắc tự động, liên tục môi trường không khí xung quanh	Số lượng	2	QT																	-
252	3.2	Số lượng các trạm quan trắc tự động, liên tục môi trường nước mặt	Số lượng	-	QT																	-
253	3.3	Số lượng cơ sở được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường	Số lượng	3	TH																	-
254	3.4	Số lượng phòng thí nghiệm được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025	Số lượng	5	TH																	-

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bảng 2. Mẫu Danh mục các khu kinh tế trên địa bàn

(Đính kèm Báo cáo số 27 /BC-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2018 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

TT	Tên khu kinh tế (năm thành lập)	Hiện trạng hoạt động				Tổng lượng nước thải được xử lý/lượng phát sinh (m ³ /ngđ)			Tổng lượng CTR được xử lý/lượng phát sinh (tấn/năm)		
		Chưa hoạt động	Đang hoạt động		Khu du lịch/khu kinh doanh dịch vụ	Sinh hoạt	Công nghiệp	Sinh hoạt	Công nghiệp	Nguy hại	
			KCN/KC	Khu đô thị							
1	Khu kinh tế Vân Phong (2006)			2	12	595	712	1.460	17.812	584	



Bảng 3. Mẫu Danh mục các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp trên địa bàn
(Đính kèm Báo cáo số 27 /BC-UBND ngày 20 tháng 08 năm 2019 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

TT	Tên (năm thành lập)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ lấp đầy (%)	Số cơ sở đang hoạt động	Số cơ sở được miễn trừ đầu nối nước thải	Tổng lượng chất thải rắn (tấn/năm)	Tổng lượng chất thải nguy hại (tấn/năm)	Tổng lượng nước thải phát sinh (m ³ /ngày đêm)	Tổng lượng nước thải được xử lý tại HTXLN/TTT (m ³ /ngày đêm)	Tổng lượng nước thải các cơ sở được miễn trừ đầu nối (m ³ /ngày đêm)	Hệ thống xử lý nước thải tập trung		
											Công suất thiết kế (m ³ /ngày đêm)	Quy chuẩn xả thải	Vị trí xả thải
1	KCN Suối Dầu	133,96	88	36	0	5.391	95	2.700	2.700	0	5.000	QCVN 40:2011/B TNMT, cột B	Sông suối Cạn
2	CCN Diên Phú	49,79	100	25	0			274	274	0	1.500	QCVN 40:2011/B TNMT, cột A	Kênh tiêu liên xã
3	CCN Đặc Lộc	36,8	100	18	0						Đang xây dựng		Mương thoát nước
4	CCN Trảng É 1	34,9									Chuẩn bị đưa vào hoạt động		
5	CCN và chăn nuôi Kharoco Ninh Ích	36,16	65	3	0			434				QCVN 40:2011/B TNMT, cột A, cột B	Hồ điều hòa CCN

6	CCN Trảng É 2	46,37	Dự án đang trong giai đoạn hoàn thiện các thủ tục để xin giấy phép xây dựng
7	CCN Diên Phú VCN	9,8	Chuẩn bị đưa vào hoạt động
8	CCN Diên Phú VCN (Giai đoạn 2)	9,9	Dự án đang trong giai đoạn hoàn thiện các thủ tục để xin giấy phép xây dựng

Bảng 4. Danh mục các nguồn thải lớn

(Đính kèm Báo cáo số 28 /BC-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2019 của
UBND tỉnh Khánh Hòa)

TT	Tên nguồn thải	Tổng lượng nước thải (m ³ /ngày đêm)	Tổng lượng khí thải (m ³ /h)
1	Công ty CP Dệt may Nha Trang	3.950	
2	Công ty Cổ phần Đường Việt Nam	12.000	Đối tượng phải lắp đặt quan trắc khí thải tự động
3	Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa – Ninh Hòa	4.200	Đối tượng phải lắp đặt quan trắc khí thải tự động
4	Nhà máy xử lý nước phía Nam thành phố Nha Trang	40.000	
5	Công ty CP Bia Sài Gòn – Khánh Hòa	1.500	
6	Công ty TNHH Vinpearland Nha Trang	5.800	
7	Công ty CP Xi măng Hà Tiên 1		Đối tượng phải lắp đặt quan trắc khí thải tự động
8	Công ty CP xi măng Hòn Khói		Đối tượng phải lắp đặt quan trắc khí thải tự động
9	Cụm công nghiệp Diên Phú	1.500	
10	Khu công nghiệp Suối Dầu	5.000	



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bảng 5. Danh sách báo cáo DTM được phê duyệt năm 2018

(Đính kèm Báo cáo số 27 /BC-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2019 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

TT	Tên và địa điểm thực hiện dự án	Lĩnh vực								Số Quyết định và ngày phê duyệt	Tên cơ quan phê duyệt	Ghi chú
		Dân dụng	Công nghiệp	Giao thông	Nông nghiệp và PTNT	Hạ tầng kỹ thuật	Y tế	Khương sản	Quốc phòng, an ninh			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Khách sạn CM Nha Trang tại số 33A đường Tô Hiến Thành, phường Tân Lập, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	x								08/QĐ-UBND 03/01/2018	UBND tỉnh	
2	Nhà ở xã hội tại lô đất CCC3 thuộc Khu 3 – Khu đô thị Mỹ Gia, xã Vĩnh Thái, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	x								09/QĐ-UBND 03/01/2018	UBND tỉnh	
3	Cảng cá động lực thuộc Trung tâm nghề cá lớn tỉnh Khánh Hòa (Giai đoạn 1) tại phường Cam Lĩnh, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa				x					36/QĐ-UBND 05/01/2018	UBND tỉnh	
4	Khu tái định cư tại xã Vĩnh Thái thuộc xã Vĩnh Thái, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa					x				38/QĐ-UBND 05/01/2018	UBND tỉnh	
5	Trang trại nuôi heo Nạn Phong thuộc xã Ninh Tân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa				x					119/QĐ-UBND 10/01/2018	UBND tỉnh	
6	Khách sạn Đông Á Premier tại số 18/12 + 18/24 + 18/26 đường Trần Quang Khải, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	x								120/QĐ-UBND 10/01/2018	UBND tỉnh	
7	Khu biệt thự vườn The Panorama Villas” tại Khu vực Hòn Rót, xã Phước Đông, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa					x				182/QĐ-UBND 16/01/2018	UBND tỉnh	

8	Khu thương mại và Dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng Oải Hương tại lô TT2a, TT2b, TT2c, TT2d và X3a thuộc Khu 1 - Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh, xã Cam Hải Đông, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa	x									203/QĐ-UBND 17/01/2018	UBND tỉnh	
9	Trại chăn nuôi heo công nghiệp Khánh Hiệp 2 thuộc thôn Hòn Lay, xã Khánh Hiệp, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa		x								328/QĐ-UBND 30/01/2018	UBND tỉnh	
10	Khu đô thị mới Lê Hồng Phong II tại phường Phước Hải và xã Vĩnh Hiệp, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa					x					363/QĐ-UBND 31/01/2018	UBND tỉnh	
11	Khu đô thị mới Lê Hồng Phong I tại phường Phước Hải và phường Phước Long, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa								x		364/QĐ-UBND 31/01/2018	UBND tỉnh	
12	Khu du lịch sinh thái Mỹ Cảnh tại khu vực Gành Đá Hà - Hòn Hèo, xã Ninh Vân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa	x									419/QĐ-UBND 05/02/2018	UBND tỉnh	
13	Trung tâm Dịch vụ biển Nam Hùng tại lô X5B và TT3 Khu 2 thuộc Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh, xã Cam Hải Đông, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa	x									453/QĐ-UBND 06/02/2018	UBND tỉnh	
14	Dự án Căn hộ du lịch và khách sạn Peninsula tại lô CC-C thuộc Khu đô thị biển An Viên, phường Vĩnh Trường, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	x									486/QĐ-UBND 09/2/2018	UBND tỉnh	
15	Khách sạn The Light Holiday (Khách sạn - Căn hộ du lịch The Light 5) tại hẻm 86A đường Trần Phú, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	x									499/QĐ-UBND 09/2/2018	UBND tỉnh	
16	Khách sạn Lucky Sun tại số 100/7B + 100/8B + 100/9B đường Trần Phú, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	x									519/QĐ-UBND 12/02/2018	UBND tỉnh	
17	Khách sạn Thanh Tinh tại số 02 đường Dã Tượng, phường Vĩnh Nguyên, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	x									524/QĐ-UBND 13/02/2018	UBND tỉnh	

39	Khách sạn Anh Anh tại số 10+12 đường Hoàng Diệu, phường Vĩnh Nguyên, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	x																1800/QĐ-UBND 22/6/2018	UBND tỉnh	
40	Tiểu dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) tỉnh Khánh Hòa tại thành phố Nha Trang, thị xã Ninh Hòa, huyện Vạn Ninh, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa				x													1801/QĐ-UBND 22/6/2018	UBND tỉnh	
41	Tiểu dự án cải tạo, nâng cấp kênh chính Nam hồ chứa nước Cam Ranh và kênh chính hồ chứa nước Suối Dầu thuộc huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa					x												1802/QĐ-UBND 22/6/2018	UBND tỉnh	
42	Nhà máy điện mặt trời điện lực miền Trung tại phường Cam Nghĩa, xã Cam Thành Nam, thành phố Cam Ranh và xã Cam An Bắc, xã Cam An Nam, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa																	1917/QĐ-UBND 04/7/2018	UBND tỉnh	
43	Khu đô thị The Forest Hill Hotel & Villas thuộc phường Vĩnh Nguyên, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	x																1918/QĐ-UBND 04/7/2018	UBND tỉnh	
44	Trung tâm thương mại - căn hộ VINATEX ITC tại số 68A đường 2 tháng 4, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang	x																1984/QĐ-UBND 11/7/2018	UBND tỉnh	
45	Khách sạn Windy Sails tại số 23 Hòa Chông, phường Vĩnh Phước, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	x																1985/QĐ-UBND 11/7/2018	UBND tỉnh	
46	Khách sạn Mỹ Anh tại số 4H-5H đường Quán Trấn, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	x																2000/QĐ-UBND 13/7/2018	UBND tỉnh	
47	Khu nhà ở xã hội Hưng Phú II tại số 58A đường 2 tháng 4, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	x																2121/QĐ-UBND 26/7/2018	UBND tỉnh	
48	Nhà máy điện mặt trời Sông Giang tại xã Cam Thịnh Đông và xã Cam Thịnh Tây, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa																	2166/QĐ-UBND 01/8/2018	UBND tỉnh	

60	Khách sạn Masova Nha Trang tại số 100/A8-100/A9 đường Trần Phú, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang	x																2809/QĐ-UBND 20/9/2018	UBND tỉnh	
61	Khách sạn Park View tại số 60 đường Phan Chu Trinh, phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	x																2886/QĐ-UBND 27/9/2018	UBND tỉnh	
62	Xây dựng công trình khai thác mỏ lộ thiên đất, đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Diên An, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa									x								2968/QĐ-UBND 04/10/2018	UBND tỉnh	
63	Pinit Hotel tại số 57 đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Tân Lập, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	x																2969/QĐ-UBND 04/10/2018	UBND tỉnh	
64	Vogue Resort tại lô D7B và TT4B - Khu 2, Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh, xã Cam Hải Đông, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa	x																2970/QĐ-UBND 04/10/2018	UBND tỉnh	
65	Khách sạn Midowin tại số 102/6B + 102/6 + 102/6 (lô 1) đường Trần Phú, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	x																3073/QĐ-UBND 15/10/2018	UBND tỉnh	
66	Khách sạn Dolphin tại số 51 đường Trần Quang Khải, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	x																3101/QĐ-UBND 17/10/2018	UBND tỉnh	
67	Nhà máy điện mặt trời KN Cam Lâm tại xã Cam An Bắc, xã Cam An Nam, xã Cam Phước Tây, xã Cam Thành Bắc, xã Cam Hiệp Nam, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa																	3297/QĐ-UBND 1/11/2018	UBND tỉnh	
68	Nhà máy điện mặt trời Ami Khánh Hòa tại xã Cam An Nam, huyện Cam Lâm, xã Cam Thành Nam, phường Cam Phúc Bắc, phường Cam Nghĩa, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa																	3298/QĐ-UBND 1/11/2018	UBND tỉnh	
69	Nhà máy điện mặt trời KN Cam Lâm tại xã Cam An Bắc, xã Cam An Nam, xã Cam Phước Tây, xã Cam Thành Bắc, xã Cam Hiệp Nam, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa																	3514/QĐ-UBND 16/11/2018	UBND tỉnh	

70	Nhà máy điện mặt trời Ami Khánh Hòa tại xã Cam An Nam, huyện Cam Lâm, xã Cam Thành Nam, phường Cam Phúc Bắc, phường Cam Nghĩa, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa											3515/QĐ-UBND 16/11/2018	UBND tỉnh	
71	Khách sạn Summer Garden tại số 19-21 đường Nguyễn Đình Chiểu, phường Vĩnh Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	x										3536/QĐ-UBND 19/11/2018	UBND tỉnh	
72	Khách sạn Daisy Gold tại số 18 đường Tô Hiến Thành, phường Tân Lập, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	x										3642/QĐ-UBND 27/11/2018	UBND tỉnh	
73	Kè bảo vệ bờ sông Tô Hạp đoạn qua thị trấn Tô Hạp và xã Sơn Hiệp thuộc thị trấn Tô Hạp, huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa					x						3643/QĐ-UBND 27/11/2018	UBND tỉnh	
74	Kè chống sạt lở sông Lạch Cầu 2 và Lạch Cầu 3 thuộc phường Ba Ngòi, tp Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa					x						3702/QĐ-UBND 3/12/2018	UBND tỉnh	
75	Khách sạn Holiday tại lô số 62-63-64-65 đường Phạm Văn Đồng, phường Vĩnh Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	x										3875/QĐ-UBND 13/12/2018	UBND tỉnh	
76	Xây dựng cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp Trảng É 2 tại xã Suối Cát và Suối Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa								x			3876/QĐ-UBND 13/12/2018	UBND tỉnh	
77	Khách sạn Miracle tại số 23+60 đường Hoàng Diệu, phường Vĩnh Nguyên, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	x										4031/QĐ-UBND 25/12/2018	UBND tỉnh	
78	Đường Tỉnh lộ 3 thuộc xã Vĩnh Thái, xã Phước Đồng, thành phố Nha Trang và xã Suối Tân, xã Suối Cát, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa									x		4046/QĐ-UBND 26/12/2018	UBND tỉnh	